|  |
| --- |
| **HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**A picture containing logo  Description automatically generated**TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ****CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH - LUẬT PHÁP** **NHIỆM KỲ 2022 - 2027***(Lưu hành nội bộ)***Hà Nội, năm 2023** |

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

Phản biện xã hội: PBXH

Mặt trận Tổ quốc: MTTQ

Dân tộc thiểu số và miền núi: DTTS & MN

Khoa học và công nghệ: KHCN

Tư vấn pháp luật: TVPL

Trợ giúp pháp lý: TGPL

MỤC LỤC

[CHUYÊN ĐỀ 1:](#_Toc151484081) [TỔNG QUAN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP 8](#_Toc151484082)

[I. KHÁI NIỆM 8](#_Toc151484083)

[1. Khái niệm chính sách 8](#_Toc151484084)

[2. Khái niệm luật pháp 8](#_Toc151484085)

[3. Khái niệm Văn bản quy phạm pháp luật 8](#_Toc151484086)

[4. Giới tính: Chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ 9](#_Toc151484087)

[5. Giới: chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. 9](#_Toc151484088)

[II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP 9](#_Toc151484089)

[III. CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 2022 - 2027 10](#_Toc151484090)

[IV. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII 11](#_Toc151484093)

[1. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước 11](#_Toc151484094)

[2. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội 13](#_Toc151484095)

[3. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới 13](#_Toc151484096)

[4. Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội 15](#_Toc151484097)

[5. Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới 15](#_Toc151484098)

[CHUYÊN ĐỀ 2:](#_Toc151484099) [CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI 17](#_Toc151484100)

[I. KHÁI NIỆM 17](#_Toc151484101)

[1. Giám sát 17](#_Toc151484102)

[2. Phản biện xã hội 17](#_Toc151484103)

[II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI 17](#_Toc151484104)

[III. NỘI DUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI 18](#_Toc151484105)

[1. Giám sát 18](#_Toc151484106)

[1.1 Chủ thể giám sát 18](#_Toc151484107)

[1.2 Đối tượng giám sát 18](#_Toc151484108)

[1.3 Nội dung giám sát 18](#_Toc151484109)

[1.4 Hình thức giám sát 20](#_Toc151484110)

[1.5 Các bước giám sát 20](#_Toc151484111)

[1.6. Một số kỹ năng 26](#_Toc151484112)

[2. Phản biện xã hội 28](#_Toc151484113)

[2.1. Chủ thể phản biện xã hội 28](#_Toc151484114)

[2.2. Đối tượng phản biện xã hội 28](#_Toc151484115)

[2.3. Nội dung phản biện xã hội 28](#_Toc151484116)

[2.4. Hình thức phản biện 28](#_Toc151484117)

[2.5. Quy trình phản biện xã hội 29](#_Toc151484118)

[IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI 34](#_Toc151484119)

[V. CÁC VĂN BẢN LÀ CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI 35](#_Toc151484120)

[VI. MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT 36](#_Toc151484121)

[1. Kỹ năng đánh giá việc lồng ghép giới trong dự thảo văn bản 36](#_Toc151484122)

[2. Kỹ năng đánh giá tính khả thi của chính sách 36](#_Toc151484123)

[3. Kỹ năng dự báo tác động của chính sách 37](#_Toc151484124)

[4. Kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 38](#_Toc151484125)

[CHUYÊN ĐỀ 3:](#_Toc151484126) [CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẮNG GIỚI 43](#_Toc151484127)

[I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN 43](#_Toc151484128)

[II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI 46](#_Toc151484129)

[III. NỘI DUNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI NHIỆM KỲ 2022 - 2027 47](#_Toc151484130)

[IV. GIẢI PHÁP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN 48](#_Toc151484131)

[1. Cấp Trung ương 48](#_Toc151484132)

[2. Các cấp địa phương 49](#_Toc151484133)

[V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÓ LIÊN QUAN 51](#_Toc151484134)

[1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến bình đẳng giới: 51](#_Toc151484135)

[2. Một số văn bản liên quan đến công tác cán bộ nữ 52](#_Toc151484136)

[3. Các văn bản chỉ đạo của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam 53](#_Toc151484137)

[CHUYÊN ĐỀ 4:](#_Toc151484138) [CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH 54](#_Toc151484139)

[I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN 54](#_Toc151484140)

[1. Nghiên cứu 54](#_Toc151484141)

[2. Tham mưu 54](#_Toc151484142)

[3. Chính sách 54](#_Toc151484143)

[4. Đề xuất chính sách của Hội LHPN Việt Nam 55](#_Toc151484144)

[II. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH 55](#_Toc151484145)

[1. Đặc điểm của công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách 55](#_Toc151484146)

[2. Vai trò của công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách 57](#_Toc151484147)

[3. Hội LHPN Việt Nam tham gia xây dựng chính sách, pháp luật 58](#_Toc151484148)

[III. NỘI DUNG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH 60](#_Toc151484149)

[1. Công tác nghiên cứu của Hội 60](#_Toc151484150)

[2. Định hướng nội dung công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách 61](#_Toc151484151)

[3. Kỹ năng, phương pháp và cách thức thực hiện công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách 63](#_Toc151484152)

[IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH 75](#_Toc151484153)

[1. Cấp Trung ương 75](#_Toc151484154)

[2. Cấp địa phương 76](#_Toc151484155)

[V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CƠ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 77](#_Toc151484156)

[CHUYÊN ĐỀ 5:](#_Toc151484157) [CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN THƯ VÀ TƯ VẤN PHÁP LUẬT 80](#_Toc151484158)

[A. CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ 80](#_Toc151484159)

[I. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG 80](#_Toc151484160)

[II. NỘI DUNG CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN THƯ 80](#_Toc151484161)

[III. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI PHÁP XỬ LÝ ĐƠN THƯ 81](#_Toc151484162)

[1. Kỹ năng xử lý đơn thư 81](#_Toc151484163)

[2. Giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư 83](#_Toc151484164)

[IV. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ 84](#_Toc151484165)

[V. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN 84](#_Toc151484166)

[B. CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN 84](#_Toc151484167)

[I. NỘI DUNG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN 84](#_Toc151484168)

[II. QUY TRÌNH, KỸ NĂNG TIẾP CÔNG DÂN 85](#_Toc151484169)

[III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN 87](#_Toc151484170)

[C. TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ 87](#_Toc151484171)

[I. KHÁI NIỆM TƯ VẤN PHÁP LUẬT 88](#_Toc151484172)

[II. HÌNH THỨC VÀ LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT 88](#_Toc151484173)

[III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TƯ VẤN PHÁP LUẬT 88](#_Toc151484174)

[IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN PHÁP LUẬT. 91](#_Toc151484175)

[CHUYÊN ĐỀ 6:](#_Toc151484176) [CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ PHỤ NỮ, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI 92](#_Toc151484177)

[I. NỘI DUNG CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ PHỤ NỮ, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI 92](#_Toc151484178)

[II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM 92](#_Toc151484179)

[III. KỸ NĂNG TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM 93](#_Toc151484180)

[1. Đảm bảo nguyên tắc tham gia giải quyết lên tiếng các vụ việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 93](#_Toc151484181)

[2. Thực hiện các quy trình tham gia giải quyết các vụ việc theo các bước: 93](#_Toc151484182)

[CHUYÊN ĐỀ 7:](#_Toc151484183) [CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 98](#_Toc151484184)

[I. KHÁI NIỆM 98](#_Toc151484185)

[II. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG 98](#_Toc151484186)

[III. NỘI DUNG 99](#_Toc151484187)

[1. Nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật 99](#_Toc151484188)

[2. Hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật 100](#_Toc151484189)

[3. Nguồn lực thực hiện 101](#_Toc151484190)

[IV. KỸ NĂNG TTPBGDPL 102](#_Toc151484191)

[V. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN 103](#_Toc151484192)

CHUYÊN ĐỀ 1

 TỔNG QUAN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP

# I. KHÁI NIỆM

## 1. Khái niệm chính sách

Theo Từ điển Tiếng Việt, chính sách được hiểu là “*sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt một mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra chính sách*”[[1]](#footnote-1). Theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ *"Chính sách là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu".* Thuật ngữ “chính sách” xuất hiện khá nhiều trong các văn kiện của Đảng, trong các văn bản pháp luật của Nhà nước. Có thể hiểu một cách khái quát *chính sách là những định hướng hành động mà nhà nước chọn lựa để xử lý những vấn đề của thực tiễn mà nhà nước có trách nhiệm giải quyết*.

## 2. Khái niệm luật pháp

Luật pháp là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và bảo vệ trật tự xã hội. Nhà nước xây dựng và ban hành luật pháp là thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật. Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng các chế tài và trên cơ sở giáo dục, thuyết phục người dân tôn trọng và thực hiện.

## 3. Khái niệm Văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định, trong đó có chứa đựng các quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung, làm khuôn mẫu cho xử sự của các chủ thể pháp luật, được áp dụng nhiều lần cho nhiều chủ thể pháp luật trong một khoảng thời gian và không gian nhất định nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định mà nhà nước muốn xác lập. Văn bản quy phạm pháp luật được chia làm hai loại là văn bản luật và văn bản dưới luật[[2]](#footnote-2).

Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật[[3]](#footnote-3).

## 4. Giới tính: Chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ[[4]](#footnote-4)

## 5. Giới: chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội[[5]](#footnote-5).

# II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ, NHIỆM VỤ CHÍNH SÁCH, LUẬT PHÁP

Theo quy định tại Hiến pháp (2013): Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thực hiện dân chủ, đồng thuận xã hội, giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc; Hội hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, được Nhà nước tạo điều kiện hoạt động.

Hội LHPN Việt Nam có chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ. Để thực hiện chức năng đại diện của tổ chức Hội, công tác chính sách, luật pháp luôn giữ vai trò quan trọng, thể hiện ở 4 mảng nội dung nhiệm vụ sau:

*- Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:* tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; các diễn đàn đối thoại chính sách, đối thoại với người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền để phụ nữ tham gia tích cực vào quá trình xây dựng và thực thi các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

*- Giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới:* cập nhật quy định pháp luật, chính sách hiện hành, đồng thời, phát hiện vấn đề từ thực tiễn, các vấn đề thiết thân của phụ nữ; chú trọng phát huy vai trò đại diện của tổ chức Hội, của cán bộ Hội các cấp; thực hiện nhiệm vụ dựa trên bằng chứng và kết quả nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh tính chủ động, thống nhất, phối hợp hành động để thực hiện tốt vai trò đại diện của tổ chức Hội trong xây dựng, thực thi, giám sát chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

*- Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội:* Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát huy quyền làm chủ; phối hợp hành động với MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội phát huy sức mạnh của nhân dân, phụ nữ; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ Hội trong tổ chức các hoạt động để phụ nữ thực hành dân chủ thực chất.

*- Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới:* Tập trung nghiên cứu và dự báo chiến lược về các vấn đề bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030; tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 11- NQ/TW và Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XII) về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý, trong đó, tập trung xây dựng và triển khai *chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới cho 3.500 cán bộ nữ.* Tập trung thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em tại vùng đồng bào DTTS &MN” và giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2021 – 2030.

# III. CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 2022 - 2027

1. **Chỉ tiêu: Hằng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền.**

- Đây là chỉ tiêu hàng năm đối với từng cấp Hội.

- Đối với hoạt động phản biện xã hội, mỗi cấp Hội **lựa chọn** phản biện dự thảo văn bản của cấp ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp **cùng cấp** có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới, tổ chức Hội.

- Cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 1 chính sách và chủ trì phản biện xã hội ít nhất 1 dự thảo văn bản:

+ Đưa nội dung giám sát và nội dung phản biện xã hội mà Hội chủ trì thực hiện vào kế hoạch giám sát và phản biện xã hội hàng năm của MTTQ cùng cấp;

+ Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát, phản biện xã hội;

+ Có báo cáo giám sát và văn bản phản biện xã hội gửi các cơ quan chức năng.

- Hội LHPN mỗi huyện và mỗi xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền bằng cách thông qua chủ trì; phối hợp với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội; tham gia giám sát với HĐND cùng cấp...

## 2. Chỉ tiêu: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

- Đề xuất thành công chính sách, đề án: chính sách, đề án được sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu phải được thể hiện ở văn bản quy phạm pháp luật của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản chỉ đạo cụ thể của cấp có thẩm quyền. Không tính chính sách đang trong quá trình vận động, đề xuất.

- Đối với chỉ tiêu của cấp tỉnh, thành phố: là chỉ tiêu nhiệm kỳ và không tính chỉ tiêu hàng năm. Tuy nhiên, Hội LHPN tỉnh/thành phố cần có kế hoạch thời điểm nào trong nhiệm kỳ sẽ đề xuất thành công được chính sách, đề án để chủ động vận động ngay từ đầu nhiệm kỳ.

## 3. Chỉ tiêu: 3.500 cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới trong nhiệm kỳ.

- Là chỉ tiêu nhiệm kỳ của cấp TW và cấp tỉnh/thành phố

- Cán bộ nữ, gồm: cấp TW là cán bộ nữ ở các bộ, ngành, cơ quan Trung ương; cấp tỉnh là cán bộ nữ cấp tỉnh và cấp huyện. Tập trung vào đối tượng nữ bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ dân tộc thiểu số.

- Phân bổ cụ thể: TW Hội: 150 chị; Cấp tỉnh/thành phố: dự kiến 50 chị/tỉnh được bồi dưỡng. Riêng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An: 100 chị/tỉnh, thành phố.

# IV. GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII

## 1. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

- Thực hiện tốt vai trò thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp; triển khai thực hiện hiệu quả hoạt động hưởng ứng “Ngày Pháp luật Việt Nam”.

- Xây dựng chiến lược truyền thông thúc đẩy bình đẳng giới tại vùng đồng bào DTTS & MN; biên soạn tài liệu tập huấn về công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ Hội các cấp; xây dựng tài liệu tuyên truyền pháp luật tới hội viên, phụ nữ: biên soạn nội dung tuyên truyền một số điểm mới của các văn bản quy phạm pháp luật được thông qua qua tại các kỳ họp Quốc hội, pháp luật về bình đẳng giới, phụ nữ, gia đình, trẻ em trên Cổng Thông tin điện tử của Hội; xây dựng chuyên mục Hỏi – đáp pháp luật trên trang thông tin điện tử của Hội LHPN tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, Hội luật gia, các văn phòng luật sư, Công ty luật; xây dựng mạng lưới và phát huy hiệu quả hoạt động của tuyên truyền viên pháp luật, cộng tác viên trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật của Hội; tăng cường công tác phối hợp với các ban ngành để triển khai các hoạt động tuyên truyền phù hợp với đặc thù địa phương.

- Thiết lập mạng lưới và kết nối giữa các Trung tâm/phòng tư vấn pháp luật của Hội LHPN các tỉnh /thành phố hoặc với các Trung tâm tư vân pháp luật của các tổ chức chính trị- xã hội khác nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nâng cao năng lực thực hiện tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo của Hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật theo nhóm đối tượng và chủ đề được phụ nữ và xã hội quan tâm, phù hợp với từng cấp Hội (tổ chức các cuộc thi pháp luật, tư vấn pháp luật trực tuyến, tuyên truyền pháp luật trên mạng xã hội..)

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông, kết hợp giữa truyền thông đại chúng với truyền thông dựa vào cộng đồng theo các chủ đề; Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tư vấn lưu động ở cơ sở về các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới; Xây dựng các mô hình truyền thông dựa vào cộng đồng; thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn pháp luật trong quá trình tiếp dân và giải quyết đơn thư.

- Xây dựng đường dây nóng tư vấn pháp luật, hỗ trợ cho phụ nữ, trẻ em về hôn nhân và gia đình; phòng, chống mua bán người; phòng, chống bạo lực gia đình; di cư lao động an toàn. Nâng chất lượng, tăng cường giới thiệu về hoạt động của mô hình “Ngôi nhà Bình yên”, Văn phòng dịch vụ một điểm đến hỗ trợ phụ nữ di cư hồi hương tại cộng đồng.

- Tích cực vận động hội viên, phụ nữ và Nhân dân tự giác tìm hiểu, tuân thủ pháp luật; tích cực tham gia ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tham gia kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật.

## 2. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội

- Chủ động lựa chọn, đề xuất nội dung, hình thức giám sát, nội dung phản biện xã hội phù hợp với chức năng của tổ chức Hội, quy định của pháp luật, nguồn lực của địa phương.

- Lựa chọn đa dạng các hình thức giám sát, phản biện xã hội; phát huy tính công khai, minh bạch, đặc biệt là nắm bắt dư luận, tập hợp được ý kiến, kiến nghị của hội viên, nhân dân trong hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có chuyên môn, nắm vững, hiểu rõ và thực hiện đúng quy trình giám sát, phản biện xã hội; đồng thời có kiến thức, hiểu biết sâu, rộng về lĩnh vực giám sát, phản biện xã hội và có bản lĩnh để lên tiếng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia của Hội về công tác phụ nữ và bình đẳng giới và phát huy đội ngũ chuyên gia của các ngành trong quá trình tham gia giám sát và phản biện xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền, các cơ quan nhà nước, các tổ chức thực hiện giám sát, phản biện xã hội khác tại địa phương.

- Thường xuyên tổ chức quán triệt, nghiên cứu, cụ thể hóa trong hệ thống Hội các văn bản về giám sát, phản biện xã hội; xây dựng tài liệu, tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo nâng cao năng lực, chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ Hội làm công tác giám sát, phản biện xã hội.

- Tăng cường hợp tác nghiên cứu để làm cơ sở cho thực hiện công tác Hội, chỉ đạo phong trào phụ nữ, làm tốt công tác chính sách, luật pháp.

- Chú trọng tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông của Hội trong suốt quá trình giám sát, phản biện xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong giám sát, phản biện xã hội thu hút, tập hợp được ý kiến, quan điểm của hội viên, phụ nữ, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

## 3. Nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới

- Tăng cường vai trò của cấp trung ương trong định hướng chiến lược về nghiên cứu, đề xuất chính sách; xây dựng Chiến lược nghiên cứu về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội LHPN Việt Nam. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới phát sinh trong thực tiễn, tập trung vào những vấn đề an sinh xã hội cho các nhóm phụ nữ đặc thù, các vấn đề phụ nữ và gia đình trong bối cảnh hội nhập và dịch bệnh COVID-19, vấn đề lao động, việc làm của phụ nữ…; Ứng dụng kết quả đề tài khoa học cấp quốc gia *“Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách cho các nhóm phụ nữ đặc thù”* trong đề xuất chính sách.

- Chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách. Phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp trong tham gia đề xuất chính sách.

- Chủ động rà soát chính sách hiện hành liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới làm cơ sở đề xuất chính sách; tham gia sơ kết, tổng kết các nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Phát huy vai trò đại diện của lãnh đạo Hội trong việc tham gia tích cực, trách nhiệm trong các Ban chỉ đạo về tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia…

- Kết nối với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài Hội, giữa các cấp Hội; cập nhật và chia sẻ kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế về phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới để phục vụ cho công tác đề xuất chính sách. Phối hợp xây dựng và cung cấp nguồn dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới. Tăng cường tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, đề xuất chính sách cho cán bộ Hội các cấp; Tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm/sinh hoạt khoa học, diễn đàn phụ nữ với khoa học và công nghệ; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam hằng năm (18/5); Xây dựng Sổ tay hướng dẫn tổ chức đối thọai chính sách ở cấp cở sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và tổ chức hướng dẫn các tỉnh, thành triển khai thực hiện.

- Tập trung các nguồn lực từ ngân sách cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực kinh phí, kỹ thuật từ các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ đề xuất chính sách.

- Thu thập thông tin, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên, phụ nữ; khuyến khích cán bộ, hội viên phụ nữ phát hiện, phản ánh các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án, chính sách tại cơ quan, đơn vị, địa bàn dân cư.

## 4. Thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội

- Các cấp Hội tham gia có trách nhiệm các hoạt động đối thoại, giám sát, phản biện xã hội, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; triển khai thực hiện trong hệ thống Hội về công tác giám sát cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ; chủ trì tổ chức việc góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Phối hợp với cơ quan của cấp ủy địa phương tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy địa phương với nhân dân mỗi năm một lần.

- Phát huy vai trò của đại diện lãnh đạo Hội trong tham gia Ban chỉ đạo Trung ương về công tác dân chủ; tham gia vào quá trình hoàn thiện luật pháp, chính sách về dân chủ cơ sở; tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân chủ cơ sở để phụ nữ hiểu và thực hiện tốt vai trò, quyền và nghĩa vụ công dân.

- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát huy quyền làm chủ, thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; Vận động hội viên, phụ nữ tham gia có trách nhiệm các hoạt động đối thoại, giám sát, phản biện xã hội, góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, góp ý cho cán bộ, đảng viên tại địa phương.

- Xây dựng và đa dạng hóa các hình thức, kênh tiếp thu và phản ánh ý kiến nguyện vọng, kiến nghị của phụ nữ; mở các diễn đàn, đối thoại để hội viên, phụ nữ thảo luận, trình bày nguyện vọng, nêu kiến nghị với cấp ủy, chính quyền các cấp, với tổ chức Hội; định kỳ tập hợp, phản ánh ý kiến, đề xuất, nguyện vọng của hội viên, phụ nữ tới cấp có thẩm quyền để kịp thời giải quyết; tổ chức lấy ý kiến các nhóm phụ nữ trong quá trình đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp trung ương và địa phương.

## 5. Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới; triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Tổng kết 15 năm thi hành Luật Bình đẳng giới, làm cơ sở để thực hiện phản biện xã hội và góp ý xây dựng, đề xuất bổ sung, sửa đổi luật; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong chỉ đạo và thực hiện các hoạt động về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Xây dựng, đề xuất các giải pháp thúc đẩy hiệu quả thực hiện công tác cán bộ nữ; rheo dõi, cập nhật số liệu cán bộ nữ cấp ủy, HĐND các cấp địa phương để đề xuất cán bộ nữ vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nguồn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý; giới thiệu nguồn nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp.

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ trẻ; tập huấn kỹ năng vận động ứng cử cho nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp; tổ chức tập huấn cho cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử; nâng cao kiến thức, kỹ năng lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ Hội LHPN các cấp, cán bộ trong hệ thống chính trị, đại biểu dân cử các cấp.

- Thu thập thông tin từ cơ sở để làm tốt công tác phản biện xã hội, lồng ghép giới trong các văn bản chính sách, pháp luật.

- Tăng cường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Tăng cường khai thác các nguồn lực thực hiện các hoạt động về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Thành lập mạng lưới/CLB nữ lãnh đạo, quản lý, nữ đại biểu dân cử nhằm chia sẻ kinh nghiệm, phát huy vai trò tiên phong, truyền cảm hứng của đội ngũ cán bộ nữ.

CHUYÊN ĐỀ 2

 CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI

# I. KHÁI NIỆM

## 1. Giám sát

Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội là một trong những hình thức của cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước. Giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Trong “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12-12-2013 xác định giám sát của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội “là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” (Khoản 1, Điều 2). Theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật.” (Điều 25)

## 2. Phản biện xã hội

Theo “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” tại Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12-12-2013, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội “là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước” (Khoản 2, Điều 2).

# II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI

**Giám sát, phản biện xã hội là một hoạt động cơ bản của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo vệ thể chế chính trị, góp phần vào thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay**. Đối với tổ chức Hội, Điều lệ Hội LHPN Việt Nam xác định *“tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới”* là một trong những nhiệm vụ của Hội nhằm thực hiện chức năng “*đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý nhà nước”.* Đại hội đại biểu Phụ nữ lần thứ XIII đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ 2022-2017 là “Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động thực hiện bình đẳng giới”, trong đó liên quan đến giám sát, phản biện xã hội có chỉ tiêu số 07, cụ thể là hằng năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp TW và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 01 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền.

# III. NỘI DUNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI

## 1. Giám sát

### *1.1 Chủ thể giám sát*

Chủ thể giám sát gồm tổ chức Hội LHPN Việt Nam từ trung ương tới cơ sở và cán bộ, hội viên, phụ nữ.

### *1.2 Đối tượng giám sát*

Đối tượng giám sát gồm:

- Các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến cơ sở (cấp ủy, tổ chức đảng; cơ quan nhà nước).

- Cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt.

### *1.3 Nội dung giám sát*

- Giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng: Giám sát Nghị quyết số 26-NQ/TW về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trong đó, tập trung giám sát thực hiện chính sách cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số; Giám sát quy trình chuẩn bị nhân sự cho việc giới thiệu nữ ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; Giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, việc thực hiện Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (ban hành theo Quyết định số 23 – QĐ/TW ngày 30 tháng 07 năm 2021 của Bộ Chính trị); Giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 21- CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

- Giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững).

- Giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDGs Việt Nam (mục tiêu số 5 về bình đẳng giới; Các quy định pháp luật về trẻ em (xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, lao động trẻ em, nhà/nhóm trẻ gia đình...).

- Giám sát luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới (đặc biệt là việc thực hiện luật Bình đẳng giới, luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân và gia đình, luật Phòng, chống mua bán người, luật Bảo hiểm xã hội, luật Đất đai, Luật Trẻ em; Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030); Giám sát các chính sách an sinh xã hội.

- Các biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống được xác định trong Nghị quyết Trung ương 4 Khóa XII ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức công vụ và đạo đức nghề nghiệp, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử theo quy định của Luật Cán bộ Công chức, Luật Viên chức, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân, quy định số 37-QĐ/TW của Ban chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm v.v..

Ngoài ra, Hội LHPN các tỉnh/thành căn cứ vào điều kiện, tình hình của địa phương, kịp thời nắm bắt dư luận xã hội, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của hội viên để lựa chọn nội dung giám sát phù hợp. Chú trọng lựa chọn các nội dung liên quan tới quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, tổ chức Hội, bình đẳng giới trong các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong tiếp cận và thụ hưởng thành quả của quá trình phát triển; giám sát việc thực hiện pháp luật về công khai kết luận thanh tra của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và các sở, ngành quản lý những lĩnh vực phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo; các lĩnh vực mà Nhân dân quan tâm như: thanh tra, y tế, giáo dục, tài nguyên môi trường, đất đai, giao thông, vận tải, xây dựng (theo quy định Điều 39 Luật Thanh tra). Các cấp Hội nâng cao hiệu quả thực chất của hoạt động giám sát thông qua theo dõi, phản hồi kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát, tiếp xúc cử tri, giải quyết đơn thư.

### *1.4. Hình thức giám sát*

- Tổ chức đoàn giám sát do Hội LHPN các cấp chủ trì.

- Thông qua nghiên cứu, xem xét văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ.

- Thông qua tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, thông tin báo cáo, phản ánh của các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên, phụ nữ, phản ánh của người có uy tín trong cộng đồng dân cư, dư luận xã hội, cơ quan truyền thông đại chúng.

- Thông qua việc quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Thông qua việc thực hiện các quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở, tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

- Thực hiện giám sát theo đề nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Tham gia các hoạt động giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền (Quốc hội, Hội đồng nhân dân; bộ, ngành…).

### ***1.5. Các bước giám sát***

#### **1.5.1. Tổ chức đoàn giám sát do các cấp Hội LHPN chủ trì**

*Bước 1: Xây dựng Kế hoạch giám sát*

- Thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát theo đoàn, kế hoạch giám sát gồm các nội dung: Mục đích, yêu cầu giám sát; đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát; phương pháp, hình thức giám sát; thành phần tham gia giám sát; thời gian, địa điểm giám sát; phân công trách nhiệm thành viên tham gia giám sát; trách nhiệm của đối tượng giám sát: báo cáo theo đề cương mà Hội LHPN yêu cầu; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát; trao đổi những vấn đề liên quan theo đề nghị của Hội LHPN; chế độ báo cáo của đoàn giám sát; kinh phí và những điều kiện vật chất cần thiết khác phục vụ hoạt động của đoàn giám sát.

Kế hoạch tổ chức đoàn giám sát được gửi đến đối tượng được giám sát, thành viên của đoàn giám sát chậm nhất 15 ngày, trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Căn cứ đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát để quyết định việc mời đại diện cơ quan, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát.

*Bước 2: Ban hành và thông báo quyết định thành lập đoàn giám sát*

- Ban hành quyết định thành lập đoàn giám sát, nội dung quyết định thành lập đoàn giám sát gồm: Căn cứ pháp lý để giám sát; đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát; thời gian, địa điểm tiến hành giám sát; thành phần đoàn giám sát.

- Quyết định thành lập đoàn giám sát gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân đượcgiám sát chậm nhất 15 ngày, trước ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch; tổ chức việc thu thập thông tin có liên quan đến nội dung giám sát; gửi báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và các tài liệu có liên quan đến thành viên đoàn giám sát (trước 07 ngày đoàn giám sát làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát) để nghiên cứu và tổ chức việc nghiên cứu (nếu cần thiết), chuẩn bị ý kiến và thống nhất nội dung làm việc cụ thể của đoàn.

*Bước 3: Đoàn giám sát làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát*

- Trưởng đoàn giám sát thông báo kế hoạch, quyết định thành lập đoàn giám sát; nêu mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và chương trình làm việc của đoàn giám sát.

- Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cá nhânđược giám sát báo cáo về những nội dung theo yêu cầu của đoàn giám sát.

- Các thành viên đoàn giám sát phát biểu ý kiến và có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát giải trình, cung cấp thêm thông tin, tài liệu có liên quan để làm rõ nội dung giám sát.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát báo cáo bổ sung, giải trình làm rõ ý kiến của các thành viên đoàn giám sát, nêu kiến nghị với đoàn giám sát (nếu có).

- Trưởng đoàn giám sát kết luận cuộc làm việc.

Đoàn giám sát cử 01 thư ký giúp việc cho đoàn giám sát, ghi chép đầy đủ, chính xác tất cả nội dung làm việc của đoàn, tập trung phần trao đổi, thảo luận, phát biểu của đại diện đơn vị được giám sát, kết luận của trưởng đoàn để làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả giám sát.

Khi cần thiết, đoàn giám sát tiến hành khảo sát thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện để đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

*Bước 4: Báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị sau giám sát*

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị được giám sát, Trưởng đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát gửi Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát.

- Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát có thể tổ chức cuộc họp để xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, và các kiến nghị đề xuất.

- Yêu cầu, nội dung đối với Báo cáo kết quả giám sát: Bám sát nội dung, kế hoạch và mục tiêu giám sát; giới thiệu chung về thời gian, nội dung, phương pháp, thành phần giám sát; nêu rõ những nhận xét, đánh giá về từng nội dung đã tiến hành giám sát; những vi phạm, trách nhiệm đối với những vi phạm (nếu có); các quy định pháp luật làm căn cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật, tính chất, mức độ vi phạm; kiến nghị các biện pháp xử lý vi phạm; những thành tích nổi bật, tính điển hình trong hoạt động của cơ quan, tổ chức (nếu có); những hạn chế của cơ chế, chính sách, pháp luật cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế (nếu có); kiến nghị với đối tượng giám sát và các cơ quan có liên quan.

- Căn cứ báo cáo kết quả giám sát, Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát kết luận về nội dung giám sát và có văn bản kiến nghị gửi cơ quan, tổ chức được giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền. Đồng thời, Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát gửi Hội LHPN cấp trên trực tiếp.

- Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giám sát, để làm rõ nội dung kiến nghị khi có yêu cầu.

*Bước 5: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát*

Theo dõi việc trả lời và tổ chức thực hiện kiến nghị giám sát của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giám sát. Nếu đối tượng được giám sát chưa trả lời, cần trao đổi, đôn đốc để đối tượng thực hiện theo quy định.

#### **1.5.2. Chủ trì nghiên cứu, xem xét văn bản, tài liệu, báo cáo của các cơ quan, tổ chức liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ**

- Các loại văn bản được giám sát: các loại văn bản liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ: Văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính; bản án, quyết định, kết luận, cáo trạng trong hoạt động tố tụng; các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kinh tế - xã hội, dự án, đề án của cơ quan nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch giám sát.

- Quy trình giám sát:

 *Bước 1: Nghiên cứu, xem xét văn bản được giám sát*

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách trực tiếp chỉ đạo việc nghiên cứu, xem xét văn bản và giao ban chuyên môn tham mưu thực hiện.

- Trường hợp cần thiết có thể tổ chức hội nghị hoặc gửi văn bản lấy ý kiến tham vấn của các chuyên gia. Việc tổ chức hội nghị nghiên cứu, xem xét văn bản được thực hiện theo trình tự sau đây:

+ Đại diện lãnh đạo Hội LHPN trình bày ý kiến nghiên cứu về văn bản.

+ Đại diện cơ quan, tổ chức có văn bản được giám sát trình bày ý kiến.

+ Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự hội nghị phát biểu ý kiến.

+ Đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị kết luận cuộc họp.

Trong quá trình nghiên cứu, xem xét văn bản, Hội LHPN có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức ban hành văn bản báo cáo, giải trình, cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung văn bản được giám sát.

 *Bước 2: Xây dựng và gửi văn bản kiến nghị*

- Khi phát hiện văn bản được giám sát chưa phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn đời sống, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, Hội LHPN gửi văn bản kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp chủ trì giám sát gửi văn bản kiến nghị sau giám sát đến cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu thời hạn trả lời kiến nghị (sau 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị)

 *Bước 3: Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị sau giám sát*

- Trên cơ sở kiến nghị của Hội LHPN, cơ quan ban hành văn bản được giám sát phải xem xét, nghiên cứu, tiếp thu và phản hồi các kiến nghị.

- Hết thời hạn mà cơ quan ban hành văn bản được giám sát chưa trả lời, thì Hội LHPN gửi văn bản đôn đốc trả lời.

- Trường hợp cơ quan ban hành văn bản được giám sát không trả lời hoặc không đồng ý với nội dung văn bản kiến nghị thì Hội LHPN gửi văn bản kiến nghị lên cấp trên trực tiếp của cơ quan ban hành văn bản được giám sát đề nghị chỉ đạo việc xem xét giải quyết.

- Trường hợp ý kiến giữa cơ quan chủ trì giám sát và cơ quan ban hành văn bản được giám sát không thống nhất, thì có thể tổ chức đối thoại để làm rõ.

#### **1.5.3. Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng**

*- Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân*

Theo quy định của Luật Thanh tra số 56/2010/QH12, đại diện Hội LHPN tham gia Ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, thực hiện theo hướng dẫn và phân công của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

 *- Giám sát thông qua tham gia hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng*

Theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019, Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tưđại diện Hội LHPN cấp xã tham gia hoạt động giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (nếu có), thực hiện theo hướng dẫn và phân công của Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã.

Theo quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, Hội LHPN cấp xã có thể được bầu là thành viên của ban thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn; là thành viên của Ban giám sát đầu tư cộng đồng, qua đó thực hiện chức năng giám sát theo quy định.

#### **1.5.4. Tham gia các hoạt động giám sát với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền**

- Khi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền mời tham gia giám sát, Hội LHPN cử đại diện tham gia đoàn giám sát.

- Trong quá trình tham gia giám sát, đại diện Hội LHPN có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung giám sát; nghiên cứu báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát, nêu ý kiến về nội dung giám sát và tham gia xây dựng, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát.

- Nếu phát hiện vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì đại diện Hội LHPN có trách nhiệm đề nghị đoàn giám sát kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có biện pháp xử lý kịp thời.

- Trường hợp phát hiện có vấn đề vi phạm hoặc chưa phù hợp với chính sách, pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, hội viên phụ nữ mà cơ quan chủ trì giám sát không kiến nghị thì đại diện Hội LHPN được cử tham gia đoàn giám sát có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo cơ quan, tổ chức mình để xem xét, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

#### **1.5.5. Giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ**

##### \* Đối với cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp

- Ban Thường vụ Hội LHPN các cấp thực hiện giám sát thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên.

- Trường hợp Ban Thường vụ Hội LHPN các cấp nhận được thông tin phản ánh hoặc phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc cấp ủy đảng cùng cấp quản lý về những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, có dấu hiệu, hành vi vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì chủ động báo cáo bằng văn bản hoặc phản ánh trực tiếp với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp để xem xét, xử lý.

- Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường vụ Hội LHPN các cấp thành lập đoàn giám sát và triển khai hoạt động giám sát theo quy định; gửi kiến nghị sau giám sát đến cấp ủy, cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên (trường hợp phát hiện cán bộ, đảng viên không thuộc cấp ủy cùng cấp quản lý có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống thì báo cáo, phản ánh với cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ, đảng viên).

##### \* Đối với cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú

- Ban Thường vụ Hội LHPN cấp xã: thực hiện giám sát đối với cán bộ, đảng viên ở nơi cư trú. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm, báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi được yêu cầu với cấp ủy cùng cấp và Ban Thường vụ Hội LHPN cấp huyện.

- Hội viên, phụ nữ: Thực hiện quyền giám sát bằng cách theo dõi, phát hiện, phản ảnh, kiến nghị đến Hội LHPN các cấp, cấp ủy, tổ chức đảng, Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và cơ quan có thẩm quyền về những nội dung và biểu hiện có liên quan quy định tại mục I.2 văn bản này *(nội dung giám sát)* thông qua báo cáo trực tiếp, bằng văn bản, hòm thư góp ý, thư điện tử, điện thoại, tin nhắn.

Sau khi tiếp nhận phản ảnh, kiến nghị của hội viên, phụ nữ, Hội LHPN các cấp báo cáo bằng văn bản hoặc phản ảnh trực tiếp với cấp ủy, tổ chức đảng cùng cấp để xem xét, xử lý theo quy định. Ý kiến phản ảnh, kiến nghị của hội viên, phụ nữ là cơ sở để các cấp Hội kiến nghị với cấp ủy, tổ chức đảng về các vấn đề có liên quan đến cán bộ, đảng viên.

Hội LHPN các cấp cung cấp tới hội viên, phụ nữ địa chỉ hòm thư góp ý, thư điện tử, số điện thoại tiếp công dân.

##### \* Đối với cán bộ, đảng viên ở nơi làm việc

Hội LHPN các cấp phối hợp với tổ chức công đoàn cùng cấp theo dõi, nắm bắt, trao đổi thông tin, phản ảnh và tổng hợp tình hình liên quan báo cáo cấp ủy cùng cấp.

Thực hiện giám sát theo Hướng dẫn số 44/HD-TLĐ ngày 20/12/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hướng dẫn công đoàn thực hiện giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

##### \* Đối với công tác cán bộ

Hội LHPN cấp tỉnh và cấp huyện chủ trì, phối hợp với công đoàn cùng cấp tổ chức đoàn giám sát khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc khi có yêu cầu. Quy trình thực hiện giám sát theo Hướng dẫn số 19/HD- ĐCT ngày 11/8/2023 của Đoàn Chủ tịch về hướng dẫn thực hiện giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam và Hướng dẫn số 44/HD-TLĐ ngày 20/12/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về hướng dẫn công đoàn thực hiện giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

### *1.6. Một số kỹ năng*

#### **1.6.1. Kỹ năng rà soát, nghiên cứu tài liệu liên quan**

Việc rà soát, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung giám sát là bước đầu tiên trong quá trình giám sát.

Việc rà soát, nghiên cứu tài liệu giúp cho cán bộ giám sát nắm bắt hoặc cập nhật một cách tổng quan nội dung, phạm vi, quy mô và tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về nội dung cần giám sát; đánh giá sơ bộ về các nguồn thông tin, dữ liệu sẵn có có thể sử dụng cho giám sát từ đó có thể xác định những nội dung trọng tâm, vấn đề cốt lõi cần tập trung giám sát.

Những việc cần làm khi thực hiện rà soát tài liệu:

- Lập danh mục các tài liệu, văn bản liên quan đến nội dung giám sát, lưu ý sắp xếp theo trình tự thời gian, thẩm quyền ban hành.

- Sàng lọc các nội dung có liên quan đến đối tượng, phạm vi giám sát

- Xác định cụ thể nội dung cần giám sát đối với mỗi đối tượng cụ thể (ví dụ nội dung cụ thể cần giám sát là nội dung gì, ai là đối tượng có thể cung cấp thông tin…)

- Xác định cụ thể các bên liên quan: Các bên liên quan chính thường bao gồm (1) Nhóm đối tượng quản lý nhà nước trong lĩnh vực cần giám sát (ví dụ liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm sẽ có nhóm đối tượng là ngành nông nghiệp, y tế, công thương); (2) Nhóm đối tượng hưởng lợi trực tiếp, gián tiếp; (3) Các đơn vị, cơ quan cung cấp dịch vụ: doanh nghiệp, hợp tác xã…

Việc rà soát, nghiên cứu tài liệu chính là đầu vào cho việc xây dựng Bộ công cụ giám sát.

#### **1.6.2. Kỹ năng xây dựng bộ công cụ giám sát**

- Xây dựng bộ công cụ giám sát là việc thiết kế danh mục câu hỏi, các nội dung trọng tâm cần trao đổi với các bên liên quan. Việc thiết kế câu hỏi dựa trên các tiêu chí như mức độ phù hợp của chính sách, pháp luật, tính hiệu quả của quá trình thực thi chính sách.

Bộ công cụ giám sát thông thường bao gồm:

+ Đề cương báo cáo giám sát (dành cho đối tượng giám sát).

+ Các mẫu thu thập thông tin (phiếu khảo sát, bảng hỏi, gợi ý phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống/tham quan thực địa…).

+ Đề cương báo cáo sau giám sát (dành cho chủ thể giám sát).

- Một số lưu ý:

+ Đối với đề cương báo cáo giám sát dành cho đối tượng giám sát: Cần bám sát các quy định pháp luật về trách nhiệm của đối tượng giám sát, tránh dàn trải các nội dung không cần thiết.

+ Đối với các mẫu thu thập thông tin: Sử dụng ngôn ngữ đơn giản, trực tiếp và phù hợp với nhóm đối tượng giám sát. Các câu hỏi chỉ nên hỏi về một ý tại một thời điểm để có cơ sở so sánh, đánh giá, sử dụng hợp lý các loại câu hỏi đóng, câu hỏi mở, yêu cầu cung cấp số liệu phù hợp (nếu có).

#### **1.6.3. Kỹ năng đề xuất, kiến nghị sau giám sát**

- Một văn bản đề xuất, kiến nghị có chất lượng tốt khi đáp ứng được những yếu cầu sau đây:

+ Ý tứ được sắp xếp logic và nhất quán.

+ Trình bày ngắn gọn, cô đọng, đầy đủ nội dung.

+ Thông tin dữ liệu được thu thập, phân tích và đánh giá phù hợp.

+ Kết luận hợp lý dựa trên minh chứng, số liệu được phân tích khoa học.

+ Các khuyến nghị mang tính thực tiễn, có ý nghĩa, xác định rõ cơ quan có thẩm quyền giải quyết và đảm bảo lồng ghép giới trong các kiến nghị, đề xuất.

+ Các giải pháp và phương án thực hiện giải pháp cần có tính khả thi, thực tiễn, bền vững, cân nhắc kỹ các yếu tố đảm bảo để có thể thực hiện được giải pháp.

- Để xây dựng được văn bản đề xuất, kiến nghị tốt, người viết cần các kỹ năng sau đây:

+ Phân biệt đối tượng, chủ thể tiếp nhận văn bản kiến nghị, đề xuất và phong cách viết.

+ Phân tích và xử lý thông tin.

+ Trình bày báo cáo một cách nhất quán, phù hợp, lo-gic.

+ Sắp xếp các tiêu đề, đoạn văn, minh hoạ (đồ thị, bảng, ảnh…) một cách logic, sáng tạo.

+ Nhất quán trong trình bày, mô tả dữ liệu (về mức độ chi tiết, phạm vi thời gian/không gian...).

Lưu ý: Thực tiễn các báo cáo đề xuất kiến nghị sau giám sát ở các cấp Hội địa phương thường ít được tiếp thu do nhiều kiến nghị còn chung chung, không nêu rõ cơ quan có trách nhiệm giải quyết kiến nghị.

## 2. Phản biện xã hội

### *2.1. Chủ thể phản biện xã hội*

Chủ thể phản biện xã hội gồm tổ chức Hội LHPN Việt Nam từ trung ương tới cơ sở.

### *2.2. Đối tượng phản biện xã hội*

Các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình.

### *2.3. Nội dung phản biện xã hội*

- Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo.

- Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

- Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo.

- Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, xã hội, bình đẳng giới, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.

### *2.4. Hình thức phản biện*

- Tổ chức hội nghị Ban chấp hành: Hội LHPN cấp nào phản biện xã hội thì tổ chức hội nghị ban chấp hành cấp đó. Khi tổ chức hội nghị phản biện xã hội cần mời đại diện của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo nội dung phản biện, MTTQ cùng cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Tổ chức lấy ý kiến của hội viên phụ nữ thông qua sinh hoạt chi/tổ Hội; lấy ý kiến của một số cấp hội; lấy ý kiến qua các phương tiện truyền thông đa phương tiện của Hội, tổ chức các nghiên cứu, khảo sát thực tế; gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện.

- Khi cần thiết, Hội LHPN các cấp có thể tổ chức đối thoại trực tiếp với cơ quan, tổ chức soạn thảo? văn bản dự thảo.

### *2.5. Quy trình phản biện xã hội*

#### **2.5.1 Quy trình chung**

***Bước 1***: Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện.

Nội dung kế hoạch: Xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, hình thức, thời gian, chủ thể tiến hành và đối tượng được phản biện xã hội trong năm do cấp Hội chủ trì.

Khi cần thiết, nội dung kế hoạch có thể điều chỉnh hoặc bổ sung theo sự thống nhất của các bên tùy theo điều kiện thực tế và thời gian tổ chức thực hiện.

***Bước 2****:* Thu thập những thông tin phù hợp với đối tượng và nội dung phản biện xã hội. Sau đó, sắp xếp, tổng hợp thông tin theo các nội dung phản biện xã hội.

Các phương pháp thường sử dụng để thu thập thông tin là: nghiên cứu văn bản, tài liệu, tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội nghị đóng góp ý kiến, bảng hỏi, gửi văn bản lấy ý kiến, khảo sát thực tế...

Đối với những vấn đề chuyên sâu, Hội có thể tham khảo ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu...

***Bước 3****:* Viết văn bản phản biện xã hội trên cơ sở thông tin đã sắp xếp, phân loại theo các nội dung phản biện xã hội. Văn bản phải có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu, gửi đến cơ quan, tổ chức chủ trì văn bản phản biện và các cơ quan, tổ chức có liên quan

***Lưu ý:*** nếu cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo yêu cầu, Hội LHPN các cấp cần bảo đảm bí mật nội dung thông tin phản biện xã hội.

***Bước 4***:

- Theo dõi việc tiếp thu ý kiến phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội.

- Nếu cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện xã hội không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội, Hội LHPN được yêu cầu phản biện xã hội có thể yêu cầu tổ chức đối thoại.

#### **2.5.2 Quy trình đối với từng hình thức phản biện xã hội**

##### **\* Hình thức tổ chức hội nghị phản biện**

***Bước 1: Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội chuẩn bị tổ chức hội nghị***

- Trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về tài liệu, thời gian, địa điểm, nội dung và cách thức tiến hành tổ chức hội nghị phản biện; yêu cầu cung cấp tài liệu và cử đại diện có thẩm quyền tham dự hội nghị.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị.

- Phân công đơn vị, cá nhân tham mưu bước đầu nghiên cứu định hướng, đề xuất nội dung phản biện xã hội; tổng hợp ý kiến, kiến nghị, phản ảnh của người dân, phụ nữ liên quan đến nội dung phản biện xã hội.

- Tùy từng nội dung, lĩnh vực có thể đặt từ 5 đến 10 bài viết của cán bộ Hội, chuyên gia tham gia phản biện xã hội chuyên sâu đối với nội dung cần được phản biện xã hội.

- Trong trường hợp cần thiết, Hội có thể tổ chức khảo sát thực tế, trao đổi chuyên gia, nhất là với các thành viên các hội đồng tư vấn có liên quan về những nội dung cần phản biện; phân công cá nhân chịu trách nhiệm về nội dung cần phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị phản biện xã hội gửi tài liệu đến đại biểu tham dự.

- Tùy theo tính chất, quy mô và phạm vi phản biện xã hội, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện quyết định về thành phần tham dự hội nghị phản biện xã hội: đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị; lãnh đạo Uỷ ban MTTQ cùng cấp; đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan, tổ chức khác liên quan; các chuyên gia, nhà khoa học, người có uy tín, kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực hoạt động có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản được phản biện xã hội; đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội.

***Bước 2: Tổ chức hội nghị phản biện xã hội***

Hội nghị được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau:

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN cấp tổ chức hội nghị chủ trì hội nghị.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản của dự thảo.

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN cấp chủ trì phản biện trình bày định hướng và những nội dung trọng tâm cần tập trung phản biện.

- Các đại biểu tham dự hội nghị tiến hành thảo luận về các nội dung phản biện xã hội.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trao đổi, giải trình làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung được phản biện xã hội.

- Chủ trì hội nghị kết luận hội nghị.

***Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau hội nghị phản biện xã hội, trên cơ sở các ý kiến phản biện và kết luận tại hội nghị, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ hoặc lãnh đạo tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo đơn vị chuyên môn, cá nhân có trách nhiệm xây dựng văn bản phản biện xã hội.

- Tùy theo nội dung phản biện mà văn bản phản biện xã hội có thể gồm các nội dung được quy định tại mục II.1.3 của văn bản này.

- Chậm nhất 7 ngày kể từ ngày tổ chức hội nghị phản biện, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Ngoài nội dung phản biện, văn bản phản biện cần ấn định thời hạn đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản trả lời bằng văn bản. Thời gian tối thiểu là 7 ngày; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng phải có sự trao đổi, thống nhất với cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản nhưng không vượt quá 30 ngày.

*Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội*

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội có trách nhiệm theo dõi việc tiếp thu, giải trình đối với những ý kiến phản biện xã hội.

- Hết thời hạn được ấn định trong văn bản phản biện, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện có văn bản đôn đốc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện trả lời bằng văn bản.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản không trả lời hoặc không tiếp thu ý kiến phản biện xã hội thì Hội có văn bản yêu cầu trả lời, đề nghị giải trình và có văn bản báo cáo ý kiến phản biện xã hội với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản.

##### **\* Hình thức gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội**

Hình thức gửi dự thảo văn bản được phản biện xã hội đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện xã hội là việc Hội LHPN chủ trì phản biện xã hội gửi dự thảo văn bản tới các chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến phản biện và tập hợp, tổng hợp gửi cơ quan, tổ chức chủ trì dự thảo văn bản.

***Bước 1: Công tác chuẩn bị***

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch, dự kiến danh sách, cá nhân, tổ chức tham gia phản biện xã hội.

- Tùy thuộc vào nội dung văn bản Hội LHPN cấp chủ trì gửi dự thảo văn bản cần phản biện đến cơ quan, tổ chức, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn, hoặc đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản để lấy ý kiến cho phù hợp.

***Lưu ý:*** Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi xin ý kiến phản biện là những cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm liên quan trực tiếp đến nội dung cần phản biện; cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn… là người am hiểu nội dung, lĩnh vực cần phản biệnxã hội.

***Bước 2: Tổ chức nghiên cứu văn bản***

- Hội LHPN cấp tổ chức phản biện xã hội nghiên cứu xây dựng định hướng nội dung cần phản biện xã hội.

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo văn bản cần phản biện xã hội, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện gửi dự thảo văn bản cần phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức cá nhân được lựa chọn tham gia phản biện xã hội.

Văn bản xin ý kiến phản biện phải nên rõ định hướng nội dung cần phản biện và thời hạn gửi văn bản phản biện.

***Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau khi nhận được ý kiến tham gia phản biện xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội tiến hành tập hợp, tổng hợp để xây dựng văn bản phản biện xã hội. Trường hợp cần thiết có thể gửi dự thảo văn bản phản biện để xin ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân đã có ý kiến phản biện.

- Nội dung văn bản phản biện xã hội theo mục II.1.3 của Hướng dẫn này.

***Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội***

*(Thực hiện như tại Bước 4 của tổ chức hội nghị phản biện xã hội)*

##### **\* Hình thức tổ chức đối thoại trực tiếp giữa cơ quan chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện**

 Tổ chức đối thoại trực tiếp giữa Hội LHPN cấp chủ trì phản biện với cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội là việc lãnh đạo Hội LHPN chủ trì tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp với đại diện có thẩm quyền của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản về một hoặc một số nội dung cần phản biện xã hội.

Ngoài đại diện cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện xã hội, Hội nghị đối thoại nên mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành văn bản được phản biện xã hội tham dự.

Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội có thể chọn hình thức đối thoại trực tiếp trong các trường hợp sau:

- Dự thảo văn bản có phạm vi ảnh hưởng rộng đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới.

- Đã tổ chức Hội nghị phản biện hoặc gửi văn bản phản biện, nhưng giữa Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xã hội và cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản được phản biện vẫn còn có ý kiến khác nhau về những nội dung quan trọng.

- Do cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản đề nghị tổ chức.

***Bước 1: Chuẩn bị tổ chức hội nghị đối thoại***

**-** Hội LHPN cấp chủ trì phản biện trao đổi với cơ quan chủ trì soạn thảo về thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành tổ chức hội nghị đối thoại.

- Hội LHPN cấp chủ trì phản biện xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại.

- Xây dựng định hướng, nội dung phản biện xã hội.

- Đặt chuyên gia, người có kinh nghiệm thực tiễn về nội dung được phản biện xã hội nghiên cứu, chuẩn bị nội dung phản biện.

- Trường hợp cần thiết gửi nội dung phản biện đến cơ quan chủ trì soạn thảo để có sự trao đổi qua lại trong quá trình phản biện; tổ chức khảo sát, điều tra xã hội học về nội dung được phản biện.

- Chậm nhất 05 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, gửi giấy mời, tài liệu cho đại biểu tham dự hội nghị phản biện xã hội.

***Bước 2: Trình tự tiến hành hội nghị đối thoại***

- Lãnh đạo Hội LHPN chủ trì tổ chức hội nghị đối thoại chủ trì hội nghị. Chủ trì hội nghị đối thoại nêu rõ sự cần thiết, ý nghĩa mục đích và các nội dung cần tập trung đối thoại.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện xã hội trình bày về những nội dung cơ bản (nếu trước đó chưa tổ chức phản biện) hoặc trình bày, giải trình thêm về những nội dung được đưa ra đối thoại.

- Các đại biểu tham dự hội nghị thảo luận về dự thảo văn bản.

- Đại diện cơ quan, tổ chức có dự thảo văn bản được phản biện trao đổi làm rõ những vấn đề cần thiết có liên quan, những nội dung tiếp thu, những nội dung không tiếp thu thì giải trình thêm.

- Mời đại diện cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt dự thảo văn bản phát biểu quan điểm, ý kiến về các nội dung đối thoại *(nếu có)*.

- Đại diện lãnh đạo Hội LHPN chủ trì hội nghị kết luận.

 ***Bước 3: Xây dựng văn bản phản biện xã hội***

- Ngay sau khi tổ chức hội nghị đối thoại, Hội LHPN chủ trì xây dựng văn bản phản biện xã hội. Văn bản phản biện xã hội phải thể hiện được những nội dung đối thoại tại hội nghị và kết luận của chủ trì hội nghị đối thoại.

- Chậm nhất 7 ngày, kể từ ngày kết thúc hội nghị đối thoại, Hội LHPN chủ trì phản biện xã hội gửi văn bản phản biện xã hội đến cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo.

- Nội dung văn bản kiến nghị được thực hiện theo mục II.1.3 văn bản này.

***Bước 4: Theo dõi, đôn đốc, phản hồi văn bản phản biện xã hội***

*(Thực hiện như tại Bước 4 của tổ chức hội nghị phản biện)*

# IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về phát huy dân chủ ở cơ sở, công tác giám sát, phản biện xã hội.

- Các cấp Hội chủ động nghiên cứu, đề xuất nội dung chủ trì giám sát, phản biện xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội,theo dõi, phản hồi các kiến nghị sau giám sát, phản biện xã hội. Chú trọng tuyên truyền kết quả và những kiến nghị đề xuất của các cấp Hội trong quá trình thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học phục vụ quá trình giám sát, phản biện xã hội.

- Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ Hội về công tác giám sát, phản biện xã hội. Các cấp Hội chú trọng bồi dưỡng, tập huấn công tác giám sát, phản biện xã hội nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ Hội, đặc biệt là cấp huyện, cấp xã.

# V. CÁC VĂN BẢN LÀ CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ CỦA CÔNG TÁC GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI

- Nghị quyết số 11-NQ/TWngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

- Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” tiếp tục xác định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác phụ nữ.- Quyết định số 217 - QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”

- Quyết định số 218 - QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.

- Chỉ thị 18 – CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 3/10/2017 Ban hành hướng dẫn khung đề tài các cấp ủy, tổ chức Đảng trực thuộc trung ương tiếp tục phát huy vai trò của Nhân dân trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ.

- Quy định số 124-QĐ/TW về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

- Luật Bình Đẳng giới

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Luật Mặt trận Tổ quốc và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và văn bản hướng dẫn thi hành

- Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

- Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch uỷ ban Trung ương Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ về Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 1408/QĐ-ĐCT ngày 4/5/2018 của Đoàn Chủ tịch TW Hội ban hành quy định về việc Hội LHPN Việt Nam Tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền” và phát huy vai trò của cán bộ, hội viên, phụ nữ trong đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái”, “tụ diễn biến”, “tư chuyển hóa” trong nội bộ.

- Hướng dẫn số 07/HD-ĐCT ngày 19/9/2022 hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn thực hiện giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên và công tác cán bộ.

 - Hướng dẫn số 19/HD-ĐCT ngày 11/4/2023 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Điều lệ Hội LHPN Việt Nam (nhiệm kỳ 2022 – 2027).

# VI. MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT

## 1. Kỹ năng đánh giá việc lồng ghép giới trong dự thảo văn bản

Nghiên cứu dự thảo và xác định vấn đề giới, vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, xác định nguyên nhân của vấn đề giới trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo. Nguyên nhân này cần được đánh giá dựa trên thực tiễn, thông tin, số liệu báo cáo ở địa phương, trong và ngoài nước. Qua đó xem xét vấn đề bình đẳng giới được đề cập trong dự thảo văn bản đã đúng, đầy đủ chưa, có cần bổ sung gì không, tìm hiểu các vấn đề về bình đẳng giới trên thực tế liên quan tới phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đã được giải quyết trong dự thảo đó hay chưa?

## 2. Kỹ năng đánh giá tính khả thi của chính sách

Việc đánh giá tính khả thi của chính sách, pháp luật được xem xét trên một số khía cạnh sau: Sự phù hợp giữa quy định của văn bản QPPL với điều kiện kinh tế - xã hội (tính toán hiệu quả - chi phí); sự rõ ràng, cụ thể của các quy định trong văn bản QPPL để có thể hiểu đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện; sự toàn diện của các biện pháp, sự tương xứng, hợp lý của các chế tài trong văn bản QPPL so với yêu cầu giải quyết vấn đề; Có cơ chế bảo đảm thực thi theo hướng xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục thực hiện; Sự phù hợp của các quy định trong VBQPPL với điều kiện thực tế về nguồn tài chính, nguồn nhân lực để thi hành văn bản; trình độ quản lý, trình độ dân trí…

## 3. Kỹ năng dự báo tác động của chính sách

Chính sách trong xây dựng pháp luật được hiểu là định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định. Đánh giá tác động của chính sách là việc phân tích, dự báo tác động của chính sách đang được xây dựng đối với các nhóm đối tượng khác nhau nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu thực hiện chính sách. Như vậy, thông qua đánh giá tác động của chính sách sẽ xác định được sự ảnh hưởng của chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động của chính sách và đời sống kinh tế - xã hội. Các nội dung cần dự báo gồm: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bảo dự thảo.

Như vậy, có thể tham khảo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện đánh giá, dự báo tác động của chính sách. Tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định:

“Tác động của chính sách được đánh giá gồm:

1. Tác động về kinh tế được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí và lợi ích đối với một hoặc một số nội dung về sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, môi trường đầu tư và kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân, cơ cấu phát triển kinh tế của quốc gia hoặc địa phương, chi tiêu công, đầu tư công và các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế.

2. Tác động về xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với một hoặc một số nội dung về dân số, việc làm, tài sản, sức khỏe, môi trường, y tế, giáo dục, đi lại, giảm nghèo, giá trị văn hóa truyền thống, gắn kết cộng đồng, xã hội, chính sách dân tộc (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan đến xã hội.

3.  Tác động về giới (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới.

4. Tác động của thủ tục hành chính (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách.

5. Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo tác động đối với tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; khả năng thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

Tác động của chính sách được đánh giá theo phương pháp định lượng, phương pháp định tính. Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp định lượng thì trong báo cáo tác động của chính sách phải nêu rõ lý do (Điều 7).

Phương pháp định lượng thường được áp dụng để đo đạc các tác động về kinh tế, môi trường, thủ tục hành chính, tuân thủ pháp luật, theo đó phương pháp đánh giá dựa trên các tính toán chi phí, lợi ích cụ thể do giải pháp thực hiện chính sách tạo ra đối với từng nhóm đối tượng chịu sự tác động của chính sách; phương pháp này … Phương pháp định tính thường được áp dụng để đo đạc các tác động về mặt xã hội, thường sử dụng một số phương pháp như điều tra xã hội học; tham vấn các đối tượng theo đó phương pháp đánh giá này dựa trên các kết quả nghiên cứu nhằm nhận diện và phân tích tác động của giải pháp và các yếu tố ảnh hưởng của môi trường tự nhiên, xã hội đối với hành vi, quyền và lợi ích hợp pháp của các nhóm đối tượng khi thực hiện chính sách; phương pháp này …Hoặc có thể sử dụng các nguồn thông tin nghiên cứu đã công bố liên quan trực tiếp đến vấn đề và đối tượng được đánh giá.

## 4. Kỹ năng lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1) Quy định pháp luật về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

- Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng giới bằng cách xác định vấn đề giới, dự báo tác động giới của văn bản, trách nhiệm, nguồn lực để giải quyết vấn đề giới trong các quan hệ xã hội được văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh (Điều 5, mục 7, Luật Bình đẳng giới).

- Mục đích lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là một biện pháp để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới; tạo cơ hội phát triển như nhau cho nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình; bảo đảm bình đẳng giới thực chất giữa nam và nữ.(Điều 2, Thông tư 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014)

- Nguyên tắc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Điều 3, Thông tư 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014)

+ Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được thực hiện trong toàn bộ quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

+ Bảo đảm không làm phát sinh bất bình đẳng giới, bảo đảm quyền của mỗi giới trong nội dung, trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành văn bản theo quy định.

+ Bảo đảm sự tham gia của cơ quan lao động, thương binh và xã hội, Hội LHPN Việt Nam. Huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

- Phạm vi lồng ghép vấn đề bình đẳng giới giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được áp dụng đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản (Điều 7 Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới).

- Lồng ghép giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bao gồm (Điều 21, luật BĐG và Điều 8 Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009):

+ Xác định nội dung liên quan đến vấn đề bình đẳng giới hoặc vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới;

+ Quy định các biện pháp cần thiết để thực hiện bình đẳng giới hoặc để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới;

+ Dự báo tác động của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật sau khi được ban hành đối với nữ và nam;

+ Xác định trách nhiệm giải quyết các vấn đề giới trong phạm vi văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

+ Xác định nguồn nhân lực, tài chính cần thiết để triển khai các biện pháp thực hiện bình đẳng giới hoặc để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới.

2) Cách thức thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Bước 1. Xác định vấn đề giới, vấn đề liên quan đến quyền lợi của phụ nữ, trẻ em

Xác định vấn đề giới là quá trình xem xét, phân tích để phát hiện trong lĩnh vực, quan hệ xã hội mà văn bản điều chính có khả năng dẫn đến bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới (Điều 5, TT 17/2014/TT-BTP).

Bước 2. Xác định nguyên nhân của vấn đề bình đẳng giới trong lĩnh vực/quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Điều 6 Thông tư 17/2014/TT-BTP)

Căn cứ vào thực tiễn, các thông tin, số liệu, các báo cáo, nghiên cứu trong và ngoài nước để xem xét, đánh giá nguyên nhân của vấn đề giới:

a) Bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới do chưa có các quy định của pháp luật để điều chỉnh;

b) Bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới do chính các quy định của pháp luật;

c) Bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới do thiếu các biện pháp để đảm bảo thi hành, do quá trình tổ chức thi hành;

d) Bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử giới do không có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, không có các biện pháp để bảo vệ bà mẹ và trẻ em.

Bước 3. Xác định nội dung đề xuất để giải quyết vấn đề giới đã được xác định và đánh giá tác động (Điều 7, 8 Thông tư 17/2014/TT-BTP)

- Trên cơ sở phân tích các nguyên nhân dẫn đến tình trạng bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới đề xuất các phương án giải quyết, cụ thể:

+ Trường hợp có vấn đề về bình đẳng giới hoặc bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới do chưa có các quy định của pháp luật để điều chỉnh thì đề xuất bổ sung các chính sách, các quy định đó trong dự thảo văn bản để bảo đảm vấn đề bình đẳng giới;

+ Trường hợp phát hiện vấn đề bất bình đẳng giới từ chính các quy định của pháp luật thì sửa đổi các quy định đó trong dự thảo văn bản để bảo đảm vấn đề bình đẳng giới;

+ Trường hợp các quy định của pháp luật đã bảo đảm vấn đề bình đẳng giới nhưng thiếu biện pháp để thi hành thì đề xuất bổ sung quy định về biện pháp thi hành trong dự thảo văn bản hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp thi hành để bảo đảm vấn đề bình đẳng giới;

+ Đề xuất áp dụng các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, các biện pháp thúc đẩy để bảo vệ bà mẹ và trẻ em được quy định trong Luật Bình đẳng giới (được quy định tại Điều 19 và điều 11, khoản 5; Điều 12, khoản 2; Điều 13, khoản 3; Điều 14, khoản 5).

- Trong quá trình xác định nội dung đề xuất cần:

+ Xem xét, đánh giá về tính đầy đủ, hợp lý và tính khả thi của các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới trong dự kiến chính sách, dự thảo văn bản, phân tích các biện pháp, khả năng để bảo đảm thực hiện những mục tiêu đã đề ra, trong đó cần lưu ý đến điều kiện, thời gian, tài chính, nguồn nhân lực, công tác phổ biến, truyền thông, cơ chế đánh giá, giám sát bắt buộc.

+ Xem xét cơ quan có thẩm quyền quyết định nội dung đề xuất, hình thức thể hiện nội dung đề xuất (bổ sung vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật hay trong văn bản hướng dẫn)

+ Rà soát, đối chiếu các chính sách, pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung đề xuất để xem xét có mâu thuẫn, chồng chéo, tác động ngược chiều không.

- Đánh giá tác động về chính sách, giải pháp để giải quyết vấn đề giới.

+ Phân tích về sự cần thiết đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới; thực trạng của giới nam và giới nữ trong mối quan hệ với các quy định được đề xuất trong dự thảo văn bản.

+ Phân tích, so sánh mục tiêu cụ thể của dự thảo văn bản về vấn đề bình đẳng giới với những mục tiêu tổng quát đã được xác định theo Luật bình đẳng giới và các văn bản có liên quan. Xem xét các giải pháp được đề xuất đã bảo đảm bình đẳng giới thực chất, đã bảo vệ được quyền lợi của bà mẹ và trẻ em.

+ Dự báo khả năng tác động đối với mỗi giới thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản sau khi được ban hành, cụ thể:

\* Sự tác động đến vị trí, vai trò của mỗi giới trong lĩnh vực dự kiến điều chỉnh;

\* Sự tác động đến cơ hội và điều kiện phát huy năng lực của mỗi giới để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

\* Sự tác động đến cơ hội thụ hưởng các kết quả của chính sách giải quyết mà dự kiến văn bản điều chỉnh mang lại đối với mỗi giới.

- Phân tích những rủi ro hoặc cản trở có thể phát sinh khi giải quyết các vấn đề giới.

Bước 4. Xây dựng nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản góp ý, phản biện xã hội

Với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội, trong quá trình góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản pháp luật cần đặc biệt quan tâm đến các phát hiện, đề xuất liên quan đến vấn đề giới, đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em. Để thuyết phục được mọi người thì nội dung văn bản góp ý cần được viết một cách logic, ngắn gọn, dễ hiểu. Mỗi nội dung cần đảm bảo các yếu tố: Mô tả vấn đề, nêu rõ đề nghị cụ thể, sự cần thiết tiếp thu đề nghị đó (đưa ra các lập luận, các dẫn chứng để thuyết phục).

Các cấp Hội khi tham gia góp ý, phản biện vào dự thảo các văn bản có trách nhiệm phân tích, đánh giá, đề xuất những nội dung sau:

+ Sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo, nghiên cứu vấn đề chủ trương của Đảng đã được cụ thể hóa hay chưa? Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo nhưng đã ban hành chương trình, chính sách để thực hiện chưa? xác định nhu cầu thực tế của nhân dân, của đối tượng bị điều chỉnh của văn bản ấy. Muốn đánh giá được sự cần thiết và cấp thiết phải dựa trên thực trạng vấn đề, tính cấp bách phải ban hành văn bản: Nếu không ban hành văn bản sẽ gây hệ lụy, hậu quả gì..?. Đây là nội dung phản biện rất quan trọng vì nó quyết định có tiếp tục xây dựng văn bản đó hay không. Phản biện xã hội góp phần làm rõ sự cần thiết phải ban hành văn bản.

+ Sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương; văn bản dự thảo với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực tiễn của đơn vị, địa phương.

 + Tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo. Tính khả thi của một văn bản vô cùng quan trọng, là thước đo của tính chất lượng, tính bền vững của một văn bản được ban hành.

+ Dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bản dự thảo.

+ Các nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em, bình đẳng giới, tổ chức Hội LHPN Việt Nam.

+ Các nội dung lồng ghép giới.

CHUYÊN ĐỀ 3

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẮNG GIỚI

# I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

**1. Bình đẳng giới**

 *là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó[[6]](#footnote-6)*.

Định nghĩa cho thấy, bình đẳng giới bao hàm các khía cạnh sau:

* Bình đẳng về quyền;
* Bình đẳng về tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực, nguồn lợi ích;
* Bình đẳng về sự tham gia và ra quyết định;
* Bình đẳng về thụ hưởng các thành quả và lợi ích.

 Bình đẳng giới hàm ý rằng, lợi ích, nhu cầu và ưu tiên của tất cả mọi người thuộc các giới tính đều được xem xét, thừa nhận; yêu cầu xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam giới và phụ nữ trong phát triển kinh tế xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất.

Bình đẳng giới thực chất là bình đẳng giới đạt được trên thực tế - có tính tới sự khác biệt giữa nữ giới và nam giới, chứ không phải bình đẳng trên danh nghĩa, hình thức. Nghĩa là cần hiểu rõ và thừa nhận sự khác biệt giữa nam và nữ để từ đó tìm ra các giải pháp chính sách xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử theo giới, tăng cường năng lực và cơ hội phát triển cho các đối tượng hưởng lợi chính sách.

Ví dụ: *- Chính sách 1:* Hỗ trợ cho tất cả cán bộ tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng là 500.000 đồng/người.

- *Chính sách 2:* Hỗ trợ cho tất cả cán bộ tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng là 500.000 đồng/người; cán bộ trong thời gian mang thai, nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được hỗ trợ thêm 100.000đồng/người.

Rõ ràng, chính sách 2 có mức độ lồng ghép giới/nhạy cảm giới cao hơn chính sách 1, do đó, đảm bảo bình đẳng giới thực chất hơn.

**2. Khuôn mẫu giới (*Định khuôn giới*/*gender stereotype)*:** là những kỳ vọng, mong đợi hay quan niệm/niềm tin khái quát của cộng đồng, xã hội về vai trò, vị trí, phẩm chất, khả năng và hành vi ứng xử của mỗi giới. Khuôn mẫu giới thường mang tính hai mặt:

- Một mặt, khuôn mẫu giới thường được coi là những “hướng dẫn” trong hành vi/ứng xử của mỗi giới; là “chuẩn mực” được tất cả mọi người hướng tới và cần tuân theo. Ví dụ, quan niệm: con gái thì cần dịu dàng, nói năng nhỏ nhẹ; con trai phải dũng cảm, không được khóc…

- Mặt khác, khuôn mẫu giới phản ánh những ý kiến, đánh giá, phán xét, quan niệm khái quát của mọi người về những yếu tố khác nhau giữa nam và nữ, trở thành “thước đo” chuẩn mực hành vi ứng xử của mỗi giới nên thường gây áp lực cho cả nam và nữ- những người không đi theo/không đạt được những mong đợi ấy. Trong trường hợp này, khuôn mẫu giới trở thành rào cản vô hình dẫn đến bất bình đẳng giới.

Ví dụ: trong một thời gian dài, người phụ nữ được xã hội kỳ vọng là người “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” và coi đây là chuẩn mực để khích lệ phụ nữ phấn đấu đạt được điều này. Tuy nhiên, kỳ vọng này khiến cho phụ nữ phải chịu nhiều áp lực và gánh nặng công việc nhà mà không có sự chia sẻ của nam giới.

**3.** **Định kiến giới** *là nhận thức, thái độ và đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nam hoặc nữ[[7]](#footnote-7)*. Định kiến giới là sự nhìn nhận, phán xét, đánh giá mang tính tiêu cực và bất hợp lý về những đặc điểm, vị trí, vai trò, phẩm chất và năng lực mà một nhóm người áp đặt thành thuộc tính của phụ nữ hoặc nam giới.

Định kiến giới có cốt lõi là khuôn mẫu giới, nhưng gắn với tình cảm/xúc cảm tiêu cực, thể hiện là những đánh giá từ trước, mang tính bất hợp lý, thường dựa trên nhận thức sai lầm hoặc thiếu logic hoặc thiếu chứng cứ về phụ nữ và nam giới, nên có ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân và xã hội, nên cần được loại bỏ để tiến tới thực hiện bình đẳng giới.

Ví dụ: *“Đàn ông nông nổi giếng khơi; đàn bà sâu sắc như cơi đựng trầu”-* là một nhận xét tiêu cực áp đặt cho phụ nữ, hàm ý trọng nam khinh nữ của [xã hội](http://www.nguoiduatin.vn/c/chinh-tri-xa-hoi) cũ; rằng đàn ông dù nông nổi, nhẹ dạ, cả tin đến đâu cũng chín chắn, sâu sắc hơn đàn bà.

**4. Phân biệt đối xử về giới** *là việc hạn chế, loại trừ, không công nhận hoặc không coi trọng vai trò, vị trí của nam và nữ, gây bất bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình[[8]](#footnote-8)*.

Biểu hiện của sự phân biệt đối xử về giới thường được thể hiện ở những nhóm hành vi ứng xử mang tính thiên lệch hoặc không phù hợp với nam, nữ hoặc các giới khác như: (1) không tôn trọng; (2) không ghi nhận và (3) không tạo điều kiện thuận lợi, dựa vào đặc điểm giới tính hoặc những biểu hiện giới khác biệt của họ.

Khuôn mẫu giới cùng với định kiến giới và sự phân biệt đối xử về giới có mối liên hệ qua lại chặt chẽ với nhau và là nguyên nhân sâu xa hình thành và dẫn tới bất bình đẳng giới. Đặc biệt, định kiến giới và phân biệt đối xử về giới gây ra những tổn hại và cản trở sự phát triển của cả nam và nữ, cần phải vận động xã hội xóa bỏ.

**5. Bạo lực trên cơ sở giới**là bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt giới hoặc giới tính của người đó, bao gồm các hành động gây ra những tổn hại về thể chất, tâm lý và tình dục. Bạo lực giới còn là những đe doạ sẽ thực hiện những hành động gây tổn hại trên, sự ép buộc và những hình thức khác nhằm tước bỏ tự do của người đó[[9]](#footnote-9).

Cả nữ giới và nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân của bạo lực giới, nhưng nữ giới và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu (Tuyên bố Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR 2003). Bạo lực giới thường xảy ra, khi những đặc điểm, vai trò giới bị lạm dụng, hoặc người bị bạo lực không đáp ứng được mong đợi của người gây bạo lực về vai trò giới của họ.

*Các hình thức bạo lực giới[[10]](#footnote-10)*:

*Bạo lực về thể chất*: là bất kỳ hành động cố ý nào gây thương tích và tổn thương về thân thể và sức khỏe của người bị bạo lực, ví dụ như, đe dọa hoặc tấn công bằng vũ khí hoặc bằng vật khác; nhốt trong phòng hoặc trói; tát, đấm, cấu véo, kéo tóc, làm bỏng, bóp cổ, đánh; ném đồ vật vào người; lột quần áo; Giết chết người bị bạo lực.

*Bạo lực tinh thần*: là những hành vi gây tổn hại về tinh thần như chửi, rủa, nhục mạ, hạ thấp phẩm giá người bị bạo lực, kiểm soát các hoạt động của người bị bạo lực, lợi dụng vị thế của mình để gây áp lực, buộc người kia phải tuân theo mình, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

*Bạo lực tình dục*: là hành vi quấy rối tình dục hoặc cưỡng ép quan hệ tình dục ngoài ý muốn của người bị bạo lực, sử dụng những lời lẽ hoặc hành động cưỡng ép người khác thực hiện hành vi tình dục, ví dụ: từ chối không sử dụng biện pháp tránh thai hoặc bao cao su khi quan hệ tình dục; cưỡng ép quan hệ tình dục trái ý muốn, tấn công/quấy rối tình dục; bắt mang thai, nạo phá thai; bắt ép xem các ấn phẩm đồi trụy; bắt chứng kiến các hành vi tình dục của người khác… Bạo lực tình dục khiến người bị bạo lực đau đớn về thể xác và tổn thương, suy sụp về tinh thần.

*Bạo lực kinh tế*: là hành vi cưỡng bức với thủ đoạn muốn kiểm soát các thành viên khác trong gia đình nhằm tạo tình trạng lệ thuộc về tài chính. Hành vi này có thể là cắt giảm quá mức chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hoặc ngăn cản người trong gia đình có việc làm ổn định; buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ; đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên trong gia đình; cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung của gia đình…

# II. VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI

Thực hiện bình đẳng giới là trách nhiệm của toàn xã hội- đã được quy định cụ thể tại Luật Bình đẳng giới năm 2006. *Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới là việc tuyên truyền, giáo dục, giải thích tạo chuyển biến và nâng cao nhận thức của nhân dân, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và các cơ quan, tổ chức trong xã hội về bình đẳng giới; cổ vũ, thúc đẩy họ hành động một cách tự giác theo các chuẩn mực và mục tiêu bình đẳng giới, nhằm thúc đẩy sự phát triển, công bằng và tiến bộ xã hội*.Một trong những chức năng của tổ chức Hội LHPN Việt Nam được quy định tại Điều lệ Hội nhiệm kỳ 2022 – 2027 là “*vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới*”.

Như vậy, công tác vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới của Hội nhằm:

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam.

- Thực hiện trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam được quy định tại Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới.

- Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

- Tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức về bình đẳng giới, góp phần đảm bảo thực hiện hiệu quả lồng ghép giới và các mục tiêu bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, giải thích tạo chuyển biến và nâng cao nhận thức của những người hoạch định chính sách, cộng đồng và mọi người dân về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới và phân biệt đối xử về giới; cổ vũ, thúc đẩy họ hành động một cách tự giác theo các chuẩn mực và mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các mục tiêu bình đẳng giới của quốc gia; thúc đẩy sự phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội.

# III. NỘI DUNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG XÃ HỘI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI NHIỆM KỲ 2022 - 2027

- Tập trung nghiên cứu và dự báo chiến lược về các vấn đề bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

- Thực hiện tốt vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác phụ nữ theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Chỉ thị số 21-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XII) về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới; chủ động phát hiện, giới thiệu, nhân sự đủ tiêu chuẩn vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; tham mưu xây dựng nguồn nhân lực nữ chất lượng cao.

- Thực hiện tốt trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam được quy định trong Luật Bình đẳng giới (2006); Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2022).

- Triển khai có hiệu quả Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” và giám sát, đánh giá thực hiện bình đẳng giới trong Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025. Nghiêm túc triển khai Chiến lược truyền thông về bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em DTTS giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến 2030 (*ban hành kèm theo Quyết định 2441/QĐ-ĐCT ngày 8/8/2023 của Đoàn Chủ tịch TW Hội*).

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng cho đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý, trong đó, tập trung xây dựng và triển khai chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới cho 3.500 cán bộ nữ; quan tâm đến nhóm đối tượng nữ bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ người dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao năng lực, tăng cường sự kết nối của mạng lưới lãnh đạo nữ; phát huy vai trò tiên phong, truyền cảm hứng của đội ngũ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp.

# IV. GIẢI PHÁP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## 1. Cấp Trung ương

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1136/KH-ĐCT ngày 25/10/2021 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030, tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới. Hằng năm, hướng dẫn và triển khai hiệu quả các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Nghiên cứu, đánh giá kết quả thi hành Luật Bình đẳng giới và những khoảng trống chính sách làm cơ sở thực hiện tốt phản biện xã hội và đề xuất bổ sung, xây dựng, vận động chính sách về bình đẳng giới, trọng tâm là sửa đổi Luật Bình đẳng giới.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình phối hợp với ngành Lao động, Thương binh và Xã hội; tiến hành tổng kết vào năm 2025; đảm bảo sử dụng hiệu quả cơ chế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong chỉ đạo và thực hiện chính sách pháp luật về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

- Xây dựng, đề xuất các giải pháp thúc đẩy hiệu quả thực hiện công tác cán bộ nữ; Chủ động làm việc với tỉnh, thành ủy về công tác cán bộ nữ. Vận động nguồn lực hỗ trợ một số tỉnh, thành tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ nữ.

- Giới thiệu nguồn nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội khóa XVI; tập huấn kỹ năng vận động ứng cử cho nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ, cán bộ nữ dân tộc thiểu số. Nghiên cứu đề xuất những chương trình bồi dưỡng khác nhau đối với những phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị.

*-* Quan tâm hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức cơ bản chuyên sâu về giới, về tuyên truyền, vận động, lồng ghép giới trong văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ nguồn cấp tỉnh giúp tăng cường nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên ngành cho đội ngũ cán bộ Hội thực hiện công tác bình đẳng giới tại địa phương.

- Ra mắt Mạng lưới lãnh đạo nữ nhiệm kỳ 2022 - 2027 và hỗ trợ duy trì hoạt động của mạng lưới, hỗ trợ nhân rộng mô hình này tới một số tỉnh, thành.

- Xây dựng và thu thập nguồn thông tin, dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới, thông tin từ cơ sở phục vụ công tác phản biện xã hội, lồng ghép giới trong xây dựng văn bản chính sách, pháp luật. Theo dõi, cập nhật số liệu nữ cấp ủy, Quốc hội, HĐND các cấp; danh sách trích ngang nữ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp TW và cấp tỉnh để đề xuất cán bộ nữ vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nguồn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Chú trọng các hoạt động xây dựng năng lực vận động, thực hiện bình đẳng giới cho các tỉnh, thành thuộc vùng đồng bào DTTS &MN: Xây dựng đội ngũ giảng viên nguồn cấp tỉnh để thực hiện các chương trình phát triển năng lực thực hiện lồng ghép giới tại các địa phương; Tập huấn hướng dẫn thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, đại biểu dân cử các cấp; Tăng cường biên soạn và cung cấp tài liệu truyền thông về bình đẳng giới trong các lĩnh vực cho cơ sở nhằm nâng cao chất lượng truyền thông về bình đẳng giới.

## 2. Các cấp địa phương

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng phát hiện các vấn đề về giới và thực hiện lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ Hội LHPN các cấp tại địa phương, giúp nâng cao chất lượng tham mưu, đề xuất và giải quyết các vấn đề về giới trên địa bàn.

- Chủ động rà soát, đánh giá kết quả thi hành Luật Bình đẳng giới tại địa phương liên quan đến trách nhiệm của Hội được quy định tại Luật, làm cơ sở thực hiện tốt phản biện xã hội và đề xuất, tham gia góp ý trong quá trình sửa đổi Luật Bình đẳng giới (2006).

- Rà soát, phát hiện/nhận diện các vấn đề giới/bất bình đẳng giới nổi cộm của từng vùng, miền, địa phương để đề xuất/thiết kế những chương trình, hoạt động, các biện pháp tác động và lựa chọn nội dung truyền thông có chất lượng, đảm bảo mang tính đặc thù phù hợp với các nhóm đối tượng, các vùng, miền, địa phương.

- Đổi mới, đa dạng các hình thức tuyên truyền, vận động theo hướng hiện đại, phù hợp với đặc thù vùng miền và các nhóm đối tượng. Tăng cường huy động sự tham gia của nam giới; Quan tâm tới việc tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm từ các mô hình tuyên truyền, vận động hiệu quả và những thực hành tốt về bình đẳng giới để làm căn cứ cho việc nhân rộng mô hình.

- Hằng năm, sáng tạo trong triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động quốc gia vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, lựa chọn và tập trung giải quyết những vấn đề nổi cộm về bình đẳng giới của địa phương đảm bảo phù hợp theo các nhóm đối tượng và đặc điểm vùng miền;

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bình đẳng giới, nhất là đối với những văn bản luật mới có liên quan trực tiếp, như Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022…

- Tăng cường cung cấp/phối hợp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới, như: tư vấn tâm lý, tư vấn hôn nhân gia đình, tư vấn pháp luật… hướng dẫn cấp cơ sở trong vận hành các địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

- Tăng cường vận động, khai thác các nguồn lực thực hiện các hoạt động về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; thiết thực tập trung nguồn lực nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới.

- Xây dựng, đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả công tác cán bộ nữ; Chủ động tham mưu với tỉnh, thành ủy về công tác cán bộ nữ. Tham mưu cho cấp ủy tổ chức các hội thảo, hội nghị bàn về các giải pháp tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý, nữ cấp ủy, nữ đại biểu dân cử.

- Giới thiệu nguồn nữ ứng cử viên đại biểu HĐND các cấp; tập huấn kỹ năng vận động ứng cử cho nữ ứng cử viên đại biểu HĐND các cấp;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hội thảo, tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, kỹ năng lồng ghép giới cho cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ tại địa phương.

- Theo dõi, cập nhật số liệu cán bộ nữ cấp ủy, HĐND các cấp địa phương để đề xuất cán bộ nữ vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu nguồn vào các vị trí lãnh đạo, quản lý.

- Thành lập mạng lưới/CLB nữ lãnh đạo, quản lý, nữ đại biểu dân cử nhằm chia sẻ kinh nghiệm, phát huy vai trò tiên phong, truyền cảm hứng tích cực của đội ngũ lãnh đạo nữ.

- Đối với các tỉnh, thành vùng đồng bào DTTS &MN, chú trọng các hoạt động: Tập huấn cho cán bộ nữ chủ chốt người DTTS trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, cấp xã về kỹ năng, kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử; Tập huấn hướng dẫn thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, đại biểu dân cử cấp huyện, xã và già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng; Phát triển các tài liệu truyền thông phù hợp với đặc thù của địa phương và các nhóm đối tượng khác nhau về bình đẳng giới trong các lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng truyền thông về bình đẳng giới ở cơ sở.

# V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CÓ LIÊN QUAN

## 1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến bình đẳng giới:

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2013)

- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

- Nghị quyết số 11-NQ/TWngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”

- Chỉ thị 21-CT/TW ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới” tiếp tục xác định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác phụ nữ.

- Luật Bình đẳng giới (2006) và các văn bản hướng dẫn thi hành: có 2 điều liên quan đến trách nhiệm của Hội: Điều 29 (Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên) và Điều 30 (Trách nhiệm của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam: *1) Thực hiện các quy định tại Điều 29 của Luật này. 2) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ nữ góp phần thực hiện mục tiêu bình đẳng giới. 3) Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan bồi dưỡng, giới thiệu phụ nữ đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; phụ nữ đủ tiêu chuẩn tham gia quản lý, lãnh đạo các cơ quan trong hệ thống chính trị. 4) Thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái theo quy định của pháp luật. 5) Thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới).*

- Luật phòng, chống bạo lực gia đình (2022): có 2 điều liên quan đến trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam:Điều 52 (Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên) và Điều 53 (Trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: *1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 52 của Luật này; 2. Tư vấn, tham gia hòa giải về phòng, chống bạo lực gia đình ở cơ sở; tổ chức thực hiện, kết nối, giới thiệu dịch vụ tư vấn, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình; 3. Tổ chức hoạt động hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm hoặc hỗ trợ khác cho người bị bạo lực gia đình; 4. Chủ trì, phối hợp tổ chức cơ sở trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình thuộc phạm vi quản lý; nhân rộng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình; 5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình là phụ nữ và trẻ em; 6. Phối hợp tổng hợp, báo cáo thống kê về phụ nữ, trẻ em bị bạo lực gia đình và gửi kết quả đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 3/3/2021 của Chính phủ về Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định Số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Trong đó, có *Mục tiêu 5 “Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái”* và quy định rõ, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là cơ quan phối hợp trong thực hiện tất cả các mục tiêu thành phần.

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó, giao cho Hội LHPN Việt Nam chủ trì dự án 8 “*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*”.

- Quyết định số 2232/QĐ-TTg ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1790/QĐ-TTg ngày 23/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình Truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030.

## 2. Một số văn bản liên quan đến công tác cán bộ nữ

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhấp là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (xác định mục tiêu đến năm 2030 là: *Phải có cán bộ nữ trong cơ cấu ban thường vụ cấp ủy và tổ chức Đảng các cấp. Tỉ lệ nữ cấp ủy viên các cấp đạt từ 20-25%; tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp đạt trên 35%*).

- Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND: Bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, HĐND là phụ nữ.

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 với Mục tiêu 5.5: *Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội* (Mục tiêu 5.5 toàn cầu).

## 3. Các văn bản chỉ đạo của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

- Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam xác định Hội là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, có tư cách pháp nhân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ Việt Nam; phấn đấu vì sự phát triển của phụ nữ và bình đẳng giới.

***-*** Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035: Hai trong số 6 nhiệm vụ chiến lược phát triển tổ chức Hội là: *Khẳng định vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ, vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới* (nhiệm vụ 1), và *Trở thành tổ chức hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề của phụ nữ, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới trong khu vực và quốc tế* (nhiệm vụ 3).

- Quyết định Số 2441/QĐ-ĐCT 2441-QĐ/ĐCT ngày 8 tháng 8 năm 2023 của Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam ban hành Chiến lược truyền thông về bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em dân tộc thiểu số giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến 2030./.

CHUYÊN ĐỀ 4

 CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

# I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

## 1. Nghiên cứu

Theo Khoản 4 Điều 3 Luật Khoa học công nghệ 2013, nghiên cứu khoa học “là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải phápnhằm ứng dụng vào thực tiễn”.

Nghiên cứu là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới, hoặc sáng tạo phương pháp mới, phương tiện kỹ thuật mới để quản lý, ứng dụng trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội và các mục đích cụ thể khác. Nghiên cứu là công việc sáng tạo được tiến hành một cách có hệ thống nhằm tăng cường hiểu biết, bao gồm kiến thức về con người, về văn hóa, xã hội, về việc sử dụng nguồn kiến thức để đưa ra những ứng dụng nhất định (OECD, 1981). Nghiên cứu không chỉ là thu thập thông tin, xếp đặt lại các dữ liệu, nghiên cứu là hành động tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi hoặc vấn đề nhất định[[11]](#footnote-11).

Nghiên cứu đòi hỏi tính khách quan. Người làm nghiên cứu phải có suy nghĩ độc lập, không áp đặt ý kiến chủ quan của mình hoặc của bất kỳ ai khác vào vấn đề nghiên cứu, các giai đoạn nghiên cứu. Nghiên cứu cần đưa ra những bằng chứng xác thực, đánh giá khách quan.

## 2. Tham mưu

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, do Hoàng Phê chủ biên, tham mưu được hiểu là “giúp góp những ý kiến lớn, có tính chất chỉ đạo”.

Như vậy, có thể hiểu [tham mưu](https://luatminhkhue.vn/quy-dinh-ve-cong-tac-can-bo-doi-voi-nguoi-dung-dau-can-bo-tham-muu-nhan-su-duoc-giao-kiem-tra.aspx) là một loại nhiệm vụ, hoạt động mang tính chuyên nghiệp, chuyên trách của một cá nhân, một bộ phận trong tổ chức, phục vụ cho lãnh đạo trong việc ban hành quyết định, tổ chức thực hiện quyết định.

## 3. Chính sách

- Là *“văn bản sách lược và kế hoạch cụ thể nhằm đạt một mục đích nhất định, dựa vào đường lối chính trị chung và tình hình thực tế mà đề ra” (*Từ điển tiếng Việt – Hoàng Phê chủ biên).

- Là *“định hướng, giải pháp của Nhà nước để giải quyết vấn đề của thực tiễn nhằm đạt được mục tiêu nhất định*” (Điều 2 Khoản 1 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Một cách khái quát, chính sách là những định hướng hành động mà nhà nước chọn lựa để xử lý những vấn đề của thực tiễn mà nhà nước có trách nhiệm giải quyết.

Theo khái niệm trên, một chính sách gồm 3 yếu tố cấu thành chính:

- Vấn đề thực tiễn cần giải quyết;

- Định hướng, mục tiêu giải quyết vấn đề (mục tiêu của chính sách)

- Các giải pháp của Nhà nước (giải pháp thực hiện chính sách) để giải quyết vấn đề theo mục tiêu đã xác định.

## 4. Đề xuất chính sách của Hội LHPN Việt Nam

 là việc Hội nêu ra các vấn đề liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, tổ chức Hội và Hội kiến nghị với Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương hoặc bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các chính sách có liên quan.

Hình thức chính sách do Hội chủ trì đề xuất, vận động theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII, gồm:

- Chủ trương, quan điểm về giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới, tổ chức Hội trong Chỉ thị, Nghị quyết của cấp ủy Đảng

- Chính sách trong các văn bản quy phạm pháp luật (Ví dụ: *quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về nội dung cấp Hội đề xuất; hoặc Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh có nội dung Hội đề xuất*)

- Cơ chế, chính sách trong chương trình, đề án liên quan đến phụ nữ (Ví dụ: *Dự án 8 trong Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030*).

- Đề án của Chính phủ và/hoặc của UBND các cấp

# II. ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

## 1. Đặc điểm của công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách

Công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt qua nhiều nhiệm kỳ của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Việc tham mưu, đề xuất xây dựng chính sách, pháp luật sẽ không hiệu quả, công bằng nếu không thực hiện nghiên cứu hoặc dựa trên các kết quả nghiên cứu.

***Đặc điểm của nghiên cứu***

- Tính mới: Tính mới là thuộc tính quan trọng số một của nghiên cứu khoa học. Quá trình nghiên cứu khoa học luôn là quá trình hướng tới những phát hiện mới hoặc sáng tạo mới. Trong nghiên cứu có thể cho phép kế thừa những công trình nghiên cứu trước đó nhưng không lặp lại hoàn toàn các công trình trước đó. Người nghiên cứu luôn hướng tới, tìm tòi những những “khoảng trống” để làm nên điều mới hơn trong nghiên cứu của mình.

- Tính tin cậy: Bất kỳ nghiên cứu hay công trình khoa học nào cũng phải có tính tin cậy: đối với một nghiên cứu hay một công trình khoa học nào cũng đều có khả năng kiểm chứng bởi bất kỳ người nào, bất kỳ trong trường hợp, điều kiện (phương pháp) giống nhau nào đều cho một kết quả như nhau.

- Tính thông tin: Tất cả các sản phẩm khoa học dù được thể hiện dưới các hình thức khác nhau: đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học, tác phẩm khoa học…. cũng cần phải chứa đựng thông tin. Thông tin của một sản phẩm khoa học có thể là thông tin về quy luật vận động của sự vật hiện tượng, thông tin về quy trình công nghệ và các tham số đi kèm.

- Tính khách quan: Trong khoa học xã hội, tính khách quan được coi là một chuẩn mực giá trị. Một sản phẩm nghiên cứu khoa học nếu không đảm bảo tính khách quan, sẽ không thể chính xác và không có giá trị.

- Tính rủi ro: Nghiên cứu khoa học là quá trình tìm ra cái mới, vì vậy quá trình này có thể thành công sớm hoặc rất muộn, thậm chí có thể thất bại. Đó là tính rủi ro trong nghiên cứu khoa học. Điều này do những nguyên nhân chủ quan và khách quan mang lại: năng lực xử lý thông tin của người nghiên cứu còn hạn chế nhất định, thiếu thông tin cần thiết cho nghiên cứu… Cho dù một nghiên cứu khoa học bị thất bại thì nó vẫn có ý nghĩa nhất định trong khoa học, nó giúp cho những người nghiên cứu đi sau rút ra những bài học kinh nghiệm, tránh lãng phí về nguồn lực.

- Tính kế thừa: Mỗi nghiên cứu khoa học cần kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó trong các lĩnh vực liên quan. Đối với một lĩnh vực nghiên cứu cụ thể thì hầu hết các nghiên cứu đều xuất phát và kế thừa từ các kết quả đã đạt được trước đó để tiếp tục đi sâu, phát triển, xây dựng tri thức mới.

- Tính cá nhân: Bất cứ công trình nghiên cứu khoa học nào dù do cá nhân hay tập thể thực hiện thì vai trò cá nhân trong sáng tạo cũng mang tính quyết định. Tính cá nhân được thể hiện trong tư duy cá nhân, sự nỗ lực của cá nhân và bản lĩnh riêng của cá nhân.

***Nguyên tắc của công tác đề xuất chính sách***

* Nguyên tắc đầy đủ thông tin: Thông tin là cơ sở và căn cứ cho việc tham mưu đề xuất chính sách; do đó cần thông qua nhiều phương thức khác nhau đề thu thập thông tin toàn diện và chính xác.
* Nguyên tắc hợp pháp: việc tham mưu đề xuất chính sách cần phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.
* Nguyên tắc hệ thống: Khi đề xuất chính sách, cần xuất phát từ quan điểm hệ thống để phân tích tổng hợp, cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích chỉnh thể và lợi ích bộ phận, giữa điều kiện bên trong và điều kiện bên ngoài, giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, giữa mục tiêu chủ yếu và mục tiêu thứ yếu. Đặc biệt, nguyên tắc hệ thống còn yêu cầu, người đề xuất chính sách cần thấy được mối quan hệ và sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa các chính sách, hạn chế tình trạng xung đột chính sách;
* Nguyên tắc dự báo khoa học: Có nghĩa là khi nghiên cứu, đề xuất chính sách cần đặt nó trong xu thế vận động và nhu cầu của tương lai;
* Nguyên tắc khả thi: Việc đề xuất chính sách cần phân tích một cách toàn diện để xác định có khả thi hay không, nhất là với điều kiện và nguồn lực hiện tại, có thực hiện được hay không, hiệu quả có đảm bảo hay không;

Nguyên tắc dân chủ: việc đề xuất bất cứ phương án chính sách nào cần phải xem liệu có lợi cho lợi ích công hay không, có phản ánh thật sự nhu cầu và lợi ích của người dân hay không. Đảm bảo công khai, minh bạch và sự tham gia của những đối tượng liên quan đối với quá trình này, nhất là phát huy vai trò và sự tham gia của các tổ chức tư vấn chính sách. Việc thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ, nhất là đảm bảo tính công khai, minh bạch và sự tham gia của người dân có tác dụng quan trọng đối với việc thực hiện các nguyên tắc nói trên

## 2. Vai trò của công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách

***Đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội:***

- Thực hiện chức năng đại diện của tổ chức Hội; thực hiện nhiệm vụ của tổ chức Hội về việc tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ (Khoản 3 Điều 2 Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam).

- Thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ của Chiến lược phát triển Hội LHPN Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035: Thực hiện tốt chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ trong đó nâng cao hiệu quả công tác đề xuất, giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN các cấp.

***Các cấp Hội thực hiện công tác nghiên cứu để cung cấp căn cứ, luận cứ, minh chứng nhằm:***

- Thực hiện giám sát, phản biện xã hội, tham mưu đề xuất chính sách cho/có liên quan đến phụ nữ và công tác phụ nữ.

- Phục vụ cho công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác Hội.

- Thực hiện hoạt động nghiên cứu chính là một phương thức để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Hội các cấp.

## 3. Hội LHPN Việt Nam tham gia xây dựng chính sách, pháp luật

Công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách của Hội là một nội dung trong nhiệm vụ tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Hội. Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đã đặt ra chỉ tiêu: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp Trung ương đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ. Các nội dung Hội tham gia xây dựng chính sách, pháp luật:

***3.1. Đề xuất xây dựng luật, chính sách với vai trò là chủ thể trình đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh***

- Theo quy định của Hiến pháp, Hội có quyền trình dự án Luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Theo quy định tại Điều 32 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (năm 2015), Hội có quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh.

- Quy trình lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh:

+ Trước khi lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, tiến hành hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tiến hành các hoạt động sau đây: Tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; Tổ chức nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan để hỗ trợ cho việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; nghiên cứu thông tin, tư liệu, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu, thông tin liên quan đến đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; Xây dựng nội dung của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; đánh giá tác động của chính sách; Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua.

+ Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

+ Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý.

+ Đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình thì cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh còn có trách nhiệm lấy ý kiến của Chính phủ và nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Chính phủ.

***3.2. Tham gia quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất chính sách***

* Cử đại diện tham gia các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
* Tham gia soạn thảo các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo.
* Góp ý kiến thông qua tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề/xin ý kiến nội dung dự thảo chính sách, pháp luật do các Ban soạn thảo và cơ quan chức năng chủ trì tổ chức.
* Đề xuất với Đảng, Nhà nước về các chính sách đối với các nhóm phụ nữ và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới.
* Đề xuất với Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.
* Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình ban hành.
* Đề xuất xây dựng các chương trình, đề án có liên quan đến phụ nữ, gia đình và bình đẳng giới.

Sự tham gia của Hội vào quá trình xây dựng chính sách và văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo các bước của quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật và ban hành chính sách.

***3.3. Tham gia góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và phản biện xã hội***

* Nghiên cứu, thu thập, tổng hợp thông tin thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới làm cơ sở để kiến nghị, đề xuất với Đảng, Nhà nước xem xét xây dựng, bổ sung, sửa đổi chính sách, pháp luật
* Tổ chức các hội nghị, hội thảo, toạ đàm tham vấn ý kiến chuyên gia về nội dung các dự thảo chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới, trong đó có mời Ban soạn thảo, Tổ biên tập tham gia và tiếp thu ý kiến góp ý.
* Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề/xin ý kiến nội dung dự thảo chính sách, pháp luật do các Ban soạn thảo và cơ quan chức năng chủ trì tổ chức.

Tham gia góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật và phản biện xã hội bằng văn bản.

***3.4. Vận động chính sách***

- *Vận động chính sách* là một quy trình để cung cấp thông tin và gây ảnh hưởng đến những người quyết định trong việc ủng hộ sự thay đổi chính sách dựa trên bằng chứng (Path, 2012).

- *Quá trình vận động chính sách* của các cấp Hội về bản chất chính là nhằm tác động đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoạch định, ban hành chính sách và người dân trong cộng đồng có liên quan đến chính sách, do đó, cần bám sát quy trình ban hành chính sách, pháp luật, cụ thể:

+ *Tham gia ở giai đoạn lập đề nghị xây dựng chính sách* (quy trình chính sách): là chủ thể (trình đề nghị xây dựng chính sách, pháp luật) và tham gia (nêu ý kiến, quan điểm của Hội đối với hồ sơ đề nghị xây dựng chính sách).

*+ Tham gia các Ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng chính sách:* đây là hình thức vận động chính sách trực tiếp vì ý kiến, quan điểm của Hội trong các cuộc họp Ban soạn thảo sẽ được người đại diện thể hiện.

 *+ Tham gia vào quy trình soạn thảo chính sách*: đóng góp ý kiến vào dự thảo chính sách; phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ đối với chính sách; thông qua kết quả giám sát, phản biện xã hội; tham vấn chuyên gia, cơ quan, tổ chức liên quan.

# III. NỘI DUNG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

## 1. **Công tác nghiên cứu của Hội**

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (bao gồm: đề tài cấp nhà nước, cấp bộ và cấp cơ sở)

- Nghiên cứu phát hiện vấn đề từ thực tiễn phong trào, công tác Hội

- Nghiên cứu chuyên đề, cung cấp luận cứ để thực hiện giám sát và phản biện xã hội, tham mưu đề xuất chính sách

- Nghiên cứu để thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, các chỉ đạo, các chương trình hoạt động Hội

- Thực hiện các nghiên cứu chuyên đề khác.

## 2. Định hướng nội dung công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách

Để đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách, cán bộ và các cấp Hội cần bám sát thực tiễn phong trào phụ nữ, công tác Hội, các chủ trương, nghị quyết của Đảng để phát hiện vấn đề mới, vấn đề đặt ra đòi hỏi lý luận phải giải quyết. Trong nhiệm kỳ, công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách tập trung vào các nội dung sau:

***2.1. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, dự báo xu hướng phát triển xã hội và tình hình phụ nữ; tổng kết thực tiễn về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội; việc thực hiện chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ***

Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 30/10/2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới yêu cầu: Cần có cơ chế để phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận tốt hơn dịch vụ công, dịch vụ xã hội thiết yếu; quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ dân tộc thiểu số; hỗ trợ nâng cao năng lực để tham gia vị trí quản lý lãnh đạo trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Chỉ thị 21-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng xác định Hội LHPN Việt Nam có vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ, cần tập trung nghiên cứu xây dựng, đề xuất chính sách hỗ trợ các nhóm phụ nữ đặc thù dựa trên bằng chứng khoa học và thực tiễn.

Đối với Hội LHPN Việt Nam, các phân tích về bối cảnh của tổ chức đã cho thấy nhiều xu hướng lớn về kinh tế - xã hội hiện nay đã, đang và sẽ tác động đến hoạt động của Hội như: già hóa dân số và xu hướng nữ hóa người cao tuổi; toàn cầu hóa; di cư; biến đổi khí hậu; các vấn đề giới mới phát sinh; cách mạng công nghiệp 4.0,... Những xu hướng này không ngừng biến đổi, phát triển dẫn đến nhu cầu của phụ nữ liên tục thay đổi và những vấn đề đặt ra cần giải quyết liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam cũng đa dạng và liên tục thay đổi[[12]](#footnote-12).

Bám sát nhiệm vụ chính trị, xác định vai trò nòng cốt chính trị trong công tác phụ nữ, Hội sẽ tiếp tục chủ động nghiên cứu khoa học chuyên sâu hơn nữa để tham mưu cho Đảng và Chính phủ những chính sách phù hợp đối với phụ nữ trong tình hình mới và thực hiện bình đẳng giới thực chất. Hội sẽ tập trung thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp Bộ và tổ chức các Hội thảo khoa học cấp quốc gia về các nội dung liên quan đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội.

Tiếp tục phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tôn trọng tính sáng tạo và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; tăng cường trao đổi, đối thoại trong nghiên cứu lý luận.

***2.2. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn việc hỗ trợ, bảo vệ và phát huy các nhóm phụ nữ đặc thù.***

Với cách tiếp cận phụ nữ và phát triển, Hội sẽ tập trung làm rõ thực trạng, những khoảng trống chính sách, các hoạt động can thiệp, xác định các yếu tố thúc đẩy các nhóm phụ nữ tự phát huy thế mạnh, tiềm năng của mình, vươn lên đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đồng thời cũng kiến nghị các mô hình can thiệp hiệu quả, phù hợp mà Hội cũng như các ngành có thể thực hiện để hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ trong bối cảnh, tình hình hiện nay. Ứng dụng kết quả đề tài khoa học cấp quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách cho các nhóm phụ nữ đặc thù” trong đề xuất chính sách.

***2.3. Phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao thông qua các mô hình, can thiệp nhằm thúc đẩy phụ nữ tham gia nghiên cứu khoa học***

Trong giai đoạn tới, Hội LHPN Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tham mưu chính sách, đề xuất với Ðảng, Nhà nước những chủ trương, đường lối, chính sách phù hợp, hiệu quả, góp phần nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ nữ khoa học. Hội tiếp tục thực hiện trao giải thưởng Kovalevskaia hàng năm để khuyến khích, biểu dương những cống hiến, nỗ lực, theo đuổi đam mê nghiên cứu của các nhà khoa học nữ; trao tặng học bổng cho các nữ sinh có thành tích xuất sắc các ngành khoa học.

Mở rộng đội ngũ chuyên gia giới của Hội và mạng lưới các nhà khoa học nghiên cứu về vấn đề phụ nữ, bình đẳng giới và các vấn đề liên quan.

Hội sẽ tiếp tục nghiên cứu một số mô hình trong và ngoài nước liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, ươm mầm tài năng nữ, đặc biệt trong lĩnh vực STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) để thực hiện các can thiệp, đề xuất các chính sách liên quan nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ đáp ứng yêu cầu hội nhập trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

***2.4. Nghiên cứu đề xuất chính sách, tham gia xây dựng, giám sát và phản biện xã hội đối với chính sách, luật pháp liên quan đến phụ nữ, công tác phụ nữ và bình đẳng giới***

Nghiên cứu khoa học & công nghệ tiếp tục là nhiệm vụ quan trọng cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để Hội lên tiếng bảo vệ phụ nữ; đề xuất các chính sách và thực hiện phản biện xã hội các vấn đề liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới. Nội dung nghiên cứu tập trung vào các vấn đề giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực thi pháp luật liên quan đến bình đẳng giới.

Đề xuất/củng cố cơ chế để Hội thực hiện một cách thực chất chức năng đại diện; kết nối, thu hút sự tham gia tích cực của hội viên và chuyên gia vào quá trình giám sát, phản biện, đề xuất chính sách; vận động các nhà hoạch định chính sách tạo môi trường để Hội thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ; chủ động lòng ghép các vấn đề của phụ nữ vào chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thu thập, phản ánh các vấn đề của phụ nữ qua nhiều kênh thông tin đến với cấp ủy, chính quyền các cấp; hướng dẫn phụ nữ, hội viên sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để tiếp cận những kiến thức bổ ích và phản ánh chân thực những vụ việc diễn ra trong cuộc sống nhằm lan tỏa những việc tốt, phê phán những hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức, văn hóa, bạo lực với phụ nữ và trẻ em... Tạo diễn đàn để phụ nữ và nhân dân thể hiện tiếng nói, quan điểm và hành động thiết thực tham gia xây dựng cộng đồng, xã hội; tổ chức các hoạt động phát huy quyền làm chủ của hội viên, phụ nữ trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện tốt vai trò của người đứng đầu các cấp Hội trong các thiết chế đại diện.

## 3. Kỹ năng, phương pháp và cách thức thực hiện công tác nghiên cứu, tham mưu đề xuất chính sách

***3.1. Phát hiện vấn đề/Xác định vấn đề để nghiên cứu, đề xuất***

Xác định vấn đề là việc liệt kê chi tiết, chính xác vấn đề mà mình phải đối mặt: Xác định có ai trong đó, vấn đề là gì, vấn đề đó xảy ra khi nào và ở đâu. Đây là bước quan trọng đầu tiên cần được thực hiện trong công tác tham mưu đề xuất chính sách. Nếu vấn đề không được xác định rõ ràng hoặc chỉ dựa trên quan điểm chủ quan của cá nhân, đơn vị để đề xuất thì sẽ rất khó khăn cho các bước tiếp theo để thực hiện. Xác định được chính xác vấn đề sẽ giúp cho việc đề xuất chính sách có cơ sở thực hiện.

Vấn đề được phát hiện từ đâu?

Dữ liệu, báo cáo thống kê và phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến phụ nữ trong nước, quốc tế, theo địa phương, lĩnh vực…

Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, nghiên cứu chuyên sâu.

Thực tiễn thi hành chính sách, pháp luật.

Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội và thực tiễn hoạt động Hội, nhất là công tác giám sát, phản biện xã hội.

Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ nữ.

Các nguồn khác.

Các bước để xác định được chính xác vấn đề

*Bước 1:* Nhận diện và mô tả vấn đề: mô tả các biểu hiện bên ngoài của vấn đề, nhất là các biểu hiện tiêu cực của vấn đề; nêu bối cảnh và thời gian xảy ra vấn đề; mô tả diễn biến của vấn đề (xu hướng, tính phổ biến, điển hình của vấn đề)

*Bước 2:* Xác định nguyên nhân của vấn đề

Việc xác định nguyên nhân gây ra vấn đề luôn được bắt đầu bởi câu hỏi: Tại sao vấn đề đó xảy ra?

Việc xác định đúng nguyên nhân là yếu tố quyết định đối với việc đề xuất chính sách để giải quyết vấn đề; giải pháp chính sách được đề xuất phải tập trung để giải quyết nguyên nhân chứ không phải triệu chứng/biểu hiện của vấn đề.

*Bước 3:* Xác định phạm vi, mức độ ảnh hưởng/tác động của vấn đề

Thông thường, để xác định phạm vi và mức độ ảnh hưởng của vấn đề cần đặt các câu hỏi: *Vấn đề đó lớn như thế nào? Mức độ xảy ra? Vấn đề ảnh hưởng đến ai và ảnh hưởng như thế nào?...*

*Bước 4:* Dự báo, đánh giá các rủi ro có thể xảy ra

Việc dự báo hay đánh giá được các rủi ro giúp chúng ta tránh được các đánh giá vội vàng để mong muốn thay đổi hoặc đề xuất chính sách. Đồng thời, việc dự liệu các rủi ro cũng giúp chúng ta phòng ngừa và ứng phó tốt nhất với các rủi ro có thể xảy ra. Các rủi ro có thể bao gồm: rủi ro về tài chính, rủi ro về pháp lý, rủi ro trong việc thực thi, rủi ro trong xung đột lợi ích của đối tượng thụ hưởng…

*Bước 5*: Kiểm chứng vấn đề

Việc kiểm chứng có thể được thực hiện bất cứ khi nào cần thiết nhằm kiểm tra, xác minh thông tin và các giả thuyết đã được đặt ra trong quá trình xác định vấn đề (VD: Điều 60 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014).

Lựa chọn vấn đề để nghiên cứu, đề xuất

Khi lựa chọn vấn đề nghiên cứu cần cân nhắc tính xác đáng của vấn đề nghiên cứu, đảm bảo các vấn đề nghiên cứu sát với các nhiệm vụ trọng tâm của Hội, phù hợp với điều kiện thời gian, kinh phí và nguồn lực.

Tình huống chọn vấn đề/đề tài để nghiên cứu, đề xuất:

* Vấn đề/đề tài được giao
* Vấn đề/đề tài tự chọn

Nguồn tìm vấn đề/đề tài nghiên cứu:

* Mâu thuẫn nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống cá nhân
* Mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình nhà nghiên cứu tiếp xúc với thông tin
* Mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình tiếp xúc với các cơ sở, tại hội nghị, hội thảo...
* Khi tiếp xúc với mọi người xung quanh

Tính xác đáng của vấn đề nghiên cứu được xem xét trên 4 tiêu chí (khía cạnh):

- Tầm cỡ của vấn đề nghiên cứu: Vấn đề nào có tầm cỡ lớn hơn thì được ưu tiên nghiên cứu hơn, thể hiện ở số lượng hay tỷ lệ người/phụ nữ hay hiện tượng xã hội có ảnh hưởng lớn đến phụ nữ, đang được xã hội quan tâm.

Ví dụ: *Chế độ thai sản đối với người lao động đang tồn tại những vấn đề gì? Ai là người bị ảnh hưởng? Vấn đề này đang vướng mắc ở đâu? khi nào?*

- Tính nghiêm trọng của vấn đề: Vấn đề nghiên cứu tác động hay ảnh hưởng như thế nào đến đời sống của phụ nữ và trẻ em, đến việc đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ và trẻ em? Một vấn đề ảnh hưởng hay tác động xấu tới phụ nữ, trẻ em, vi phạm nhiều đến lợi ích chính đáng của họ thì vấn đề đó càng nghiêm trọng cần phải ưu tiên nghiên cứu hơn.

Ví dụ: *Bạo lực là một hành vi vi phạm pháp luật mà nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em, ảnh hưởng đến tính mạng, sức khoẻ thể chất và tinh thần của phụ nữ và trẻ em, cần phải lên án và thay đổi.*

- Khả năng khống chế vấn đề: Khả năng cải thiện tình trạng của vấn đề có phù hợp với chức năng của Hội không? Đối với các nghiên cứu ứng dụng thì vấn đề càng dễ khống chế sẽ được cho điểm ưu tiên hơn.

Ví dụ: *Hội được luật định là một tổ chức có trách nhiệm phòng chống bạo lực gia đình, như vậy, khả năng giải quyết và cải thiện tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ của Hội là phù hợp với chức năng.*

- Sự quan tâm và hưởng ứng của cán bộ, hội viên, phụ nữ đối với vấn đề nghiên cứu, nói cách khác vấn đề nghiên cứu có đáp ứng nhu cầu của cộng đồng không? Vấn đề nghiên cứu có thiết thân với phụ nữ? Có được phụ nữ, cộng đồng, chính quyền quan tâm, ủng hộ, sẵn sàng hưởng ứng, cung cấp nguồn lực hay tham gia vào các giải pháp giải quyết vấn đề đó không?

Ví dụ: *vấn đề xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái sẽ được hội viên, phụ nữ quan tâm hơn là vấn đề trẻ em đường phố hay lao động trẻ em.*

Xác định được tính xác đáng của vấn đề nghiên cứu về các vấn đề phụ nữ và trẻ em, đòi hỏi cán bộ Hội phải am hiểu vấn đề, cập nhật tương đối đầy đủ các vấn đề xã hội và có quan điểm giới một cách rõ ràng.

*Lưu ý:*

- Cùng một lúc có thể tồn tại hoặc xuất hiện nhiều vấn đề cần giải quyết, tuy nhiên, nếu đề xuất quá nhiều chính sách sẽ không đủ khả năng và nguồn lực để thực thi.

- Mỗi nguyên nhân khác nhau của vấn đề cần giải pháp giải quyết (chính sách) khác nhau, đảm bảo việc xây dựng và thực thi chính sách không làm xấu đi vấn đề trước khi can thiệp.

- Căn cứ vào tính chất, mức độ của vấn đề để xác định vấn đề ưu tiên cần giải quyết bằng chính sách (là vấn đề bức xúc, tác động đến số lượng lớn phụ nữ/nhóm đối tượng cụ thể, …).

***3.2. Nghiên cứu, thu thập thông tin, bằng chứng, dữ liệu nghiên cứu, đề xuất chính sách***

Thu thập số liệu, dữ liệu là một việc rất quan trọng trong nghiên cứu khoa học. Mục đích của thu thập số liệu, dữ liệu (từ các tài liệu nghiên cứu khoa học có trước, từ quan sát và khảo sát thực địa) là để làm cơ sơ lý luận khoa học hay luận cứ chứng minh giả thuyết hay các vấn đề mà nghiên cứu đã đặt ra.

Các phương pháp nổi bật trong thu thập số liệu:

- Thu thập số liệu từ tài liệu tham khảo hay còn gọi là phương pháp phân tích tài liệu

- Phương pháp quan sát

- Thu thập số liệu phi thực nghiệm (lập bảng câu hỏi điều tra, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm…).
            Yếu tố quyết định phương pháp thu thập số liệu:
          - Mục tiêu nghiên cứu, các biến số: quyết định các chỉ số cần thu thập.
          - Đối tượng nghiên cứu.
          - Loại nghiên cứu (định tính, định lượng, phối hợp, mô tả, phân tích…).
          - Nguồn thông tin thu thập: Sẵn có hay phải điều tra.

***a. Phương pháp thu thập số liệu từ tài liệu tham khảo:* là phương pháp thu thập thông tin xã hội dựa trên sự phân tích nội dung những tài liệu đã có sẵn**

Trong xã hội học, tài liệu là một hiện vật được con người tạo nên một cách đặc biệt, dùng để truyền tin hoặc bảo lưu thông tin (tài liệu không bao hàm những hiện vật của nền văn hóa vật chất nhừ nhà máy, đường phố, sông ngòi...). Tài liệu có nhiều dạng tùy vào việc căn cứ theo tiêu chí khác nhau cỏ: Tài liệu thứ cấp - sơ cấp, tài liệu văn tự - phi văn tự, tài liệu bản chính-bản sao...

Có thể phân chia thành 2 loại (viết và khác):

*Tài liệu viết gồm:*

* Tài liệu viết gồm công văn như các văn bản có tính pháp quy giúp nhà nghiên cứu định hướng các thông tin phù hợp với quy định.
* Tài liệu thống kê như thống kê dân số, lao động, thu nhập, việc làm.
* Tài liệu báo chí có nhiều loại, mỗi loại lại chịu sự chi phối của một nhóm xã hội nhất định.
* Tài liệu bán hoặc phát, cho không.
* Các tài liệu riêng của cá nhân và tổ chức xã hội như: thư, nhật ký, hồ sơ

*Tài liệu khác gồm:* Tranh ảnh, bài hát, ca dao, tục ngữ, phim ảnh, băng ghi âm, băng video, tài liệu mạng....

*Lưu ý* Khi sử dụng phương pháp này, chúng ta cần phải cân nhắc và lựa chọn nguồn tài liệu đáng tin cậy, đảm bảo tính khách quan và tính khoa học cao.

*Ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích tài liệu*

*Ưu điểm:* sử dụng tài liệu có sẵn ít tốn kém về công sức, thời gian, kinh phí, không cần sử dụng nhiều người, nhanh chóng, tiện lợi, nguồn thông tin phong phú, đa dạng, có thể so sánh theo thời gian, sử dụng số liệu này có độ chính xác cao vì nó là kết quả của các cuộc điều tra trước đã được công bố.

*Nhược điểm:* Tài liệu nhiều, phong phú nhưng ít được phân chia theo vấn đề mà người viết quan tâm vì thế khó tìm được nguyên nhân, mối quan hệ của vấn đề cần nghiên cứu, đề xuất.

Số liệu thống kê chưa được phân bổ theo các cấp, theo các loại mà người viết quan tâm. Hơn nữa, đối với những tài liệu chuyên ngành đòi hỏi phải là những người có chuyên môn cao hoặc các chuyên gia.

***b. Phương pháp quan sát***

Quan sát là phương pháp thu thập thông tin xã hội thông qua những tri giác như thị giác, thính giác theo những cách thức nhất định, là phương pháp thu thập thông tin có liên quan trực tiếp đến đối tượng nghiên cứu.

Quan sát trong điều tra xã hội học phải đảm bảo có tính hệ thống, có chủ định, có ý thức và có kế hoạch, xác định rõ đối tượng và các nội dung (chỉ báo) cần quan sát. Phương pháp quan sát này thường dùng để quan sát với số lượng lớn và được dùng trong những trường hợp sau:

* Sử dụng phương pháp quan sát khi những thông tin cần thiết cho nghiên cứu không thể thu được từ các phương pháp khác.
* Khi tiến hành độc lập, quan sát mang lại hiệu quả hơn so với phương pháp chuyên khảo.
* Phục vụ những nghiên cứu dự định thăm dò.
* Có ý nghĩa bổ. sung khi trình bày hay kiểm tra các giả thuyết nghiên cứu.
* Kiểm tra hay xác nhận những kết quả thu được từ các phương pháp khác.

*Các bước thưc hiên quan sát*

Bước 1: Lập kế hoạch quan sát: xác định mục đích quan sát, đối tượng quan sát, thời gian, địa điểm, công cụ, tình huống và môi tường quan sát.

Cần chuẩn bị đầy đủ tài chính, giấy phép, phương tiện đi lại, phương án quan sát cho phù hợp.

Trước khi đi quan sát phải liên hệ với địa phương nơi tiến hành quan sát để tìm hiểu về tình hình kinh tế, phong tục, tập quán ở nơi tiến hành quan sát.

Bước 2: Tiến hành quan sát

* Tiến hành quan sát và ghi chép đầy đủ những hành vi, hành động liên quan tới mục đích điều tra của đối tượng được quan sát (có thể sử dụng các công cụ trợ giúp quan sát)
* Khi tiến hành quan sát, cần phải ghi nhận môi trường xung quanh đối tượng quan sát để có thể đánh giá tốt nhất bản chất của các vấn đề.

Bước 3: Phân tích và xử lý thông tin

Cần phải làm sạch biên bản quan sát, sắp xếp lại các nội dung, sửa lại câu chữ cho đúng. Đưa vào phân tích một cách sơ bộ, đánh giá về nội dung quan sát, viết báo cáo, tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo tham vấn, đề xuất chính sách.

*Ưu, nhược điểm của phương pháp*

*Ưu điểm:*

Thu thập thông tin một cách trực tiếp của cá nhân, nhóm trong hoàn cảnh cụ thể, loại bỏ được những sai số trung gian.

Đảm bảo tính khách quan, do đó giúp cho việc đánh các vẩn đề một cách chính xác hơn, có thể quan sát được nhiều tiêu chí khác

Qua kết quả quan sát giúp nhà nghiên cứu trình bày tốt hơn các giả thuyết nghiên cứu bời thấy được chính xác các sự kiện, hiện tượng nghiên cứu.

Trong cùng một thời điểm có thể điều tra được đối tượng tương đối lớn, đồng thời có thể ghi nhận được quá trình hành động theo thời gian.

*Nhươc điểm:*

Chỉ thu được những thông tin mang tính bề nổi, sự can thiệp của người quan sát vào quá trình quan sát làm ảnh hưởng tới tính khách quan tự nhiên của đối tượng quan sát.

Người quan sát chỉ có khả năng quan sát một không gian giới hạn nếu không có sự trợ giúp của các phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả quan sát.

Tâm trạng của người quan sát có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả quan sát.

Phương pháp này tốn kém kinh phí và mất nhiều thời gian, dễ gây mệt mỏi, đơn điệu cho cán bộ điều tra vi phải quan sát trong thời gian dài với cùng nội dung, mục đích.

Khó xây dựng được thang đo và tổng hợp kết quả điều tra.

***c. Phương pháp thu thập số liệu phi thực nghiệm (lập bảng câu hỏi điều tra, phỏng vấn sâu...)***

*- Phương pháp phỏng vấn:* Là phương pháp thu thập thông tin xã hội thông qua đối thoại theo một chủ đề, một trật tự nhất định giữa người phỏng vấn với khách thể nghiên cứu (người bị phỏng vấn).

Phỏng vấn trong nghiên cứu khoa học khác với các phỏng vấn khác ở chỗ là phải có mục đích, có chương trình, có giả thuyết, có kế hoạch định trước theo hệ thống các chỉ báo được lựa chọn một cách khách quan khoa học đảm bảo tính đại diện.

Người phỏng vấn phải có tác phong đúng đắn và luôn giữ ở vị trí trung gian với mục tiêu thu thập thông tin khách quan, cần loại bỏ những thành kiến cá nhân khi bước vào cuộc phỏng vấn.

Ưu điểm và nhược điểm của phương pháp phỏng vấn:

Ưu điểm: (i) Thu được thông tin trực tiếp, bổ ích, lọai bỏ được các sai số trung gian. (ii) Nhà nghiên cứu có thể kiểm tra thăm dò đối tượng khi thấy thông tin chưa đủ độ tin cậy. (iii) Thu được thông tin nhiều mặt.

Nhược điểm: (i) Tốn thời gian, công sức, kinh phí (xử lý tốn kém, phức tạp). (ii) Thái độ của người phỏng vấn có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của thông tin.

*- Phương pháp An-ket (lập bảng câu hỏi điều tra):* Là phương pháp thu thập thông tin xã hội gián tiếp dựa trên bảng hỏi (phiếu trưng cầu ý kiến).

• Các loại câu hỏi: Câu hỏi đóng, câu hỏi mở, câu hỏi hỗn hợp, câu hỏi chức năng…

• Yêu cầu

* Quy chuẩn: Thể hiện được nội dung nghiên cứu, đảm bảo tính logic hợp lý.
* Chọn mẫu có tính đại diện
* Tập huấn cho cộng tác viên.

• Ưu điểm:

* Tiết kiệm được kinh phí (cùng một lúc thu được ý kiến của nhiều người).
* Thông tin thu được có độ tin cậy tương đối cao.
* Phù hợp cho những nghiên cứu định lượng.

• Nhược điểm:

* Tốn thời gian công sức soạn thảo bảng hỏi.
* Khó khăn khi thu hồi lại bảng hỏi, do đó ảnh hưởng trực tiếp tới tính đại diện của thông tin.
* Nhiều câu hỏi không trả lời, hạn chế tính đầy đủ của thông tin…

Nghiên cứu thông tin, bằng chứng, dữ liệu đề xuất chính sách: Khi đã xác định được vấn đề cần giải quyết, cần tiến hành các hoạt động nghiên cứu (thông qua các phương pháp mô tả phía trên), thu thập thông tin nhằm cung cấp dữ liệu, bằng chứng từ đó đưa ra đề xuất chính sách.

Cách thức thực hiện và nguồn thu thập thông tin, dữ liệu:

- Chủ trương, nghị quyết, chính sách pháp luật có liên quan đến chính sách đề xuất;

- Đề nghị cấp tỉnh, thành phố báo cáo về tình hình thực tế của vấn đề cần được giải quyết bằng chính sách;

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát nhanh về nội dung vấn đề đề xuất;

- Tổ chức các hội thảo tham vấn và thu thập thông tin (đối với đối tượng đích của chính sách đề xuất);

- Các nghiên cứu độc lập chuyên sâu về vấn đề đề xuất từ các bộ, ngành, các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức phi chính phủ…;

- Thu thập trên các kênh thông tin đại chúng (đài, báo, internet…);

*3.3 Xây dựng nội dung nghiên cứu, đề xuất và tổ chức tham vấn*

*a. Đối với báo cáo nghiên cứu đề tài*

Đặc điểm của báo có có chất lượng:

- Trả lời được câu hỏi nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin phù hợp

- Các thông tin thu thập phải đảm bảo độ tin cậy

- Phương pháp thu thập thông tin chính xác, phù hợp

- Đưa ra được kiến nghị, đề xuất có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn.

*b. Đối với đề xuất chính sách*

- Xác định hình thức đề xuất (văn bản, tài liệu…).

- Nội dung cơ bản của văn bản đề xuất chính sách: Chức năng, nhiệm vụ và vai trò của Hội; Tính cấp thiết của việc đề xuất chính sách; Những việc Hội đã làm để thực hiện đề xuất chính sách; Nội dung đề xuất (nêu cụ thể các phương án đề xuất nếu có nhiều phương án); Mục đích của đề xuất; Đề nghị cơ quan có thẩm quyền quan tâm.

- Xây dựng kế hoạch tham vấn, xin ý kiến, trong đó nêu rõ: đối tượng tham vấn, thời gian thực hiện, xác định phương pháp tham vấn, xin ý kiến (hội thảo, toạ đàm, xin ý kiến bằng văn bản…).

- Tổ chức lấy ý kiến tham vấn: xin ý kiến bằng văn bản; tổ chức hội thảo, tọa đàm tham vấn; gặp trực tiếp đối tượng…

- Tổng hợp ý kiến tham vấn, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo.

*3.4 Hoàn thiện và gửi văn bản đề xuất chính sách*

- Hoàn thiện, chỉnh lý dự thảo.

- Văn bản đề xuất và tài liệu kèm theo (nếu có) được gửi đến cơ quan có thẩm quyền xây dựng, ban hành chính sách

***\* Các yêu cầu để soạn thảo văn bản đề xuất chính sách hiệu quả***

- Đã lựa chọn được vấn đề để đề xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn của vấn đề chính sách được quan tâm xử lý kịp thời

- Đã thu thập được các thông tin, dữ liệu cần thiết về vấn đề chính sách đề xuất

- Đã tham vấn đầy đủ các ý kiến về đảm bảo nguồn lực cho vấn đề chính sách đề xuất; có ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến chính sách dự kiến đề xuất

***\* Soạn thảo văn bản đề xuất chính sách***

*Yêu cầu soạn thảo văn bản*

+ Văn bản cần có tính chiến lược, hệ thống, ngắn gọn

+ Các đề xuất có tính mới, sáng tạo

+ Tập trung vào nội dung giải quyết những khoảng trống cần điều chỉnh

*Cấu trúc của văn bản*

Thông thường, cấu trúc của một văn bản đề xuất chính sách gồm những nội dung sau: tiêu đề, mục lục, giới thiệu, xác định vấn đề đề xuất, các phương án và lựa chọn chính sách, kết luận và khuyến nghị, phụ lục, tài liệu tham khảo và chú thích.

+ Tiêu đề: cần tổng quan, trọng tâm, mang tính mô tả, rõ ràng, chính xác và hấp dẫn với người tiếp nhận

+ Mục lục: cần logic và có tính hệ thống

+ Yêu cầu đối với phần giới thiệu: nêu rõ bối cảnh đề xuất, mục đích của văn bản đề xuất, mục tiêu hướng tới của đề nghị chính sách; các kỹ thuật để phân tích các phương án chính sách, các nguồn thông tin tham khảo; những hạn chế có thể có của đề xuất

+ Yêu cầu đối với phần kết luận: tổng hợp ngắn gọn những điểm chính trong văn bản về bối cảnh và các phương án chính sách đề xuất

*Khung logic của một văn bản đề xuất chính sách*

*3.5. Vận động chính sách*

- Đưa các nội dung liên quan đến vấn đề đề xuất chính sách trên phương tiện thông tin đại chúng (đa dạng các nền tảng truyền thông), đăng tải thông tin đề xuất chính sách trên phương tiện thông tin đại chúng về quan điểm của Hội đối với vấn đề chính sách đang được đề xuất (ví dụ: bài báo, bình luận, phỏng vấn, tin tức, các buổi tranh luận, tọa đàm khoa học về các chính sách, pháp luật đang được soạn thảo hoặc đang thực thi), tạo dư luận ủng hộ về chính sách.

- Xây dựng tài liệu tóm tắt chính sách/vận động chính sách để gửi đến các cơ quan, các nhà hoạch định chính sách.

Thông tin cho đại biểu Quốc hội trước và trong mỗi kỳ họp để các đại biểu có đầy đủ thông tin quyết định chính sách, (ví dụ: báo cáo nghiên cứu khoa học được thực hiện và gửi tới cơ quan thẩm tra, đại biểu quốc hội liên quan đến chính sách, pháp luật đang được xem xét; các buổi họp chuyên gia với các đại biểu quốc hội; các ấn phẩm thông tin cung cấp cho Quốc hội).

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ SỰ THAM GIA CỦA HỘI

**Bảng 1: Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (giai đoạn chính sách)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bước** | **Hội tham gia** |
| 1 | Xây dựng nội dung chính sách  | TW Hội là chủ thể lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh |
| 2 | Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh | Tác động về giới của chính sách (nếu có) được đánh giá trên cơ sở phân tích, dự báo các tác động kinh tế, xã hội liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới; |
| 3 | Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật | Góp ý đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật |
| 4 | Thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL | Hội được mời tham gia |
| 5 | Trình cơ quan có thẩm quyền thông qua đề nghị xây dựng VBQPPL |  |

**Bảng 2: Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các bước** | **Hội tham gia** |
| 1 | Soạn thảo dự thảo dự thảo văn bản QPPL.Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật | - Tham gia Ban Soạn thảo, Tổ biên tập- Trong quá trình soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, xem xét, cho ý kiến về dự thảo VBQPPL, nếu có chính sách mới được đề xuất thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đề xuất chính sách phải xây dựng báo cáo đánh giá tác động của chính sách mới. => Đánh giá tác động về giới |
| 2 | Lấy ý kiến dự án luật, dự thảo, nghị quyết | Hội tham gia ý kiến |
| 3 | Thẩm định dự án luật, dự thảo nghị quyết | Thẩm định dự án, dự thảo VBQPPL do Bộ Tư pháp thực hiện. Thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên khác là đại diện Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, đại diện các cơ quan, tổ chức khác có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học. => Đối với 1 số dự thảo luật có liên quan, Bộ Tư pháp có mời Hội tham gia HĐTĐ. |
| 4 | Chỉnh lý, hoàn thiện dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước khi trình CP | Đối với 1 số dự thảo VBQPPL, Hội được mời tham gia chỉnh lý một số VBQPPL |
| 5 | Thẩm tra dự án luật, dự thảo nghị quyết của Hội đồng dân tộc và các UB của Quốc hội | Hội được mời tham gia thẩm tra về lồng ghép giới của UBXH của QH |
| 6 | Cho ý kiến đối với dự án luật, dự thảo nghị quyết | Hội tham gia góp ý văn bản |
| 7 | Thông qua dự án luật, dự thảo NQ |  |
| 8 | Công bố, đăng công báo |  |

# IV. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THAM MƯU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

## 1. Cấp Trung ương

- Tăng cường vai trò của cấp trung ương trong định hướng chiến lược về nghiên cứu, đề xuất chính sách; chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới, quyền và trách nhiệm của tổ chức Hội trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách. Phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Quốc hội tham gia đề xuất chính sách.

- Chủ động rà soát chính sách hiện hành liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới làm cơ sở đề xuất chính sách; tham gia sơ kết, tổng kết các nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Phát huy vai trò đại diện của lãnh đạo Hội trong việc tham gia tích cực, trách nhiệm trong các Ban chỉ đạo về tổng kết các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình mục tiêu, chiến lược quốc gia…

- Xây dựng và ban hành Chương trình nghiên cứu khoa học về phụ nữ và bình đẳng giới của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027. Tăng cường nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới phát sinh trong thực tiễn, tập trung vào những vấn đề an sinh xã hội cho các nhóm phụ nữ đặc thù, các vấn đề phụ nữ và gia đình trong bối cảnh hội nhập và dịch bệnh COVID-19, vấn đề lao động, việc làm của phụ nữ…; Ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học các cấp trong đề xuất chính sách.

- Kết nối với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài Hội, giữa các cấp Hội; cập nhật và chia sẻ kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế về phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới để phục vụ cho công tác đề xuất chính sách. Phối hợp xây dựng và cung cấp nguồn dữ liệu về phụ nữ và bình đẳng giới. Tăng cường tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

- Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, đề xuất chính sách cho cán bộ Hội các cấp.

- Tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm/sinh hoạt khoa học, diễn đàn phụ nữ với khoa học và công nghệ; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam hằng năm (18/5)

- Tập trung các nguồn lực từ ngân sách cũng như tăng cường khai thác các nguồn lực kinh phí, kỹ thuật từ các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ đề xuất chính sách.

- Xây dựng Sổ tay hướng dẫn tổ chức đối thọai chính sách ở cấp cở sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và tổ chức hướng dẫn các tỉnh, thành triển khai thực hiện.

## 2. Cấp địa phương

- Chủ động tổ chức Hội thảo khoa học, thực hiện khảo sát, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới phát sinh trong thực tiễn.

- Chủ động rà soát các chính sách hiện hành của địa phương liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới. Cấp huyện và cơ sở trực tiếp thu thập thông tin, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của hội viên, phụ nữ, tổng hợp báo cáo cho Hội LHPN cấp trên.

- Chủ động làm việc, cung cấp thông tin, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để đưa vấn đề liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới vào quá trình xây dựng chính sách; Phát huy vai trò cán bộ Hội là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tham gia đề xuất chính sách.

- Khuyến khích cán bộ, hội viên phụ nữ phát hiện, phản ánh các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án, chính sách tại cơ quan, đơn vị, địa bàn dân cư.

- Vận động và hướng dẫn hội viên phụ nữ tham gia các hoạt động cộng đồng: các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri của đại biểu dân cử tại địa bàn, đóng góp ý kiến xây dựng hệ thống chính trị.

# V. DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CƠ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

 **1. Hiến pháp năm 2013** quy định:

* + Hội với tư cách là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước… Khoản 1 Điều 9: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”.
	+ Trung ương Hội LHPN Việt Nam có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội (Khoản 1 Điều 84).
	+ Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cấp trung ương và địa phương được mời tham dự phiên họp của Chính phủ (Điều 101) và các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hội nghị Uỷ ban nhân dân cùng cấp khi bàn các vấn đề có liên quan (Điều 116).
	+ Hội được tạo điều kiện tham gia quản lý nhà nước bằng quy định Chính phủ có nhiệm vụ phối hợp với Trung ương Hội LHPN Việt Nam trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình (Khoản 8 Điều 96).

 **2. Nghị quyết số 11-NQ/TW** ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị “*Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” xác định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác vận động phụ nữ, trong đó các cấp Hội phát huy vai trò chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ... (mục 3.5)

 **3. Chỉ thị 21-CT/TW** ngày 20/01/2018 của Ban Bí thư “*Về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới*” tiếp tục xác định vai trò nòng cốt của tổ chức Hội trong công tác phụ nữ.

 **4. Luật Bình Đẳng giới** quy định trách nhiệm của Hội trong tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 29); Thực hiện phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật về bình đẳng giới (khoản 5 Điều 30); Đề xuất hoặc tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới liên quan đến hoạt động của cơ quan, tổ chức mình (Điểm c khoản 1 Điều 32).

 **5. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (2015) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020** quy định:

* + Hội có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Khoản 1 Điều 6)
	+ TW Hội có quyền đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh (Khoản 1 Điều 32).
	+ Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam chỉ đạo việc lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; phân công cơ quan, đơn vị chủ trì lập đề nghị đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh không do Chính phủ trình (Khoản 1 Điều 45).

 **6. Nghị định số 56/2012/NĐ-CP** ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước, quy định Hội chủ động nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách, liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới; cung cấp kịp thời các thông tin liên quan đến phụ nữ, trẻ em và bình đẳng giới (điểm b khoản 2 Điều 5).

 **7. Điều lệ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam** xác định một trong các nhiệm vụ của Hội là “*Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ”.*

**8. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII** xác định chỉ tiêu nhiệm kỳ 2022 – 2027 là “*Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp trung ương đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ”*; và nhiệm vụ trọng tâm*“Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới”*, trong đó, xác định nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới.

CHUYÊN ĐỀ 5

 CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN THƯ VÀ TƯ VẤN PHÁP LUẬT

# A. CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ

## I. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG

Để hướng đến một Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa, một xã hội công bằng dân chủ văn minh, một nền kinh tế minh bạch, thì công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có nhiệm vụ, vai trò chính trị cực kỳ quan trọng. Do đó ngày 26-5-2014 Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về vấn đề này.

Quyền khiếu nại, tố cáo liên quan chặt chẽ với các quyền và nghĩa vụ cơ bản khác của công dân, là quyền dân chủ trực tiếp, là một nội dung quan trọng của chế định dân chủ XHCN để công dân thông qua đó tích cực tham gia vào việc quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của nhân dân là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội. Nhà nước phải đảm bảo và không ngừng phát huy quyền làm chủ mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành vi xâm phạm lợi ích Tổ quốc và nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Công tác giải quyết đơn thư là hoạt động hết sức quan trọng của Đảng và Nhà nước. Cán bộ, công chức tiếp nhận, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, giải đáp kịp thời những vướng mắc trong nhân dân, góp phần làm yên lòng dân. Thông qua công tác này, các cơ quan của Đảng và Nhà nước sẽ kịp thời thấy được kết quả thực hiện chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Việc tổ chức tốt công tác giải quyết đơn thư  góp phần quan trọng hạn chế khiếu nại, tố cáo phát sinh, tràn lan, vượt cấp, qua đó còn có ý nghĩa giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, ngăn chặn và phòng ngừa vi phạm pháp luật.

**II. NỘI DUNG CÔNG TÁC XỬ LÝ ĐƠN THƯ**

Đơn là văn bản có nội dung được trình bày dưới một hình thức theo quy định của pháp luật, gửi đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền để khiếu nại hoặc tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh.[[13]](#footnote-13)

 Xử lý đơn thư là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền căn cứ vào nội dung vụ việc được trình bày trong đơn mà phân loại nhằm thụ lý giải quyết đơn thuộc thẩm quyền, hướng dẫn hoặc chuyển đơn đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.[[14]](#footnote-14)

## III. KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI PHÁP XỬ LÝ ĐƠN THƯ

### 1. Kỹ năng xử lý đơn thư

1.1. Phân loại đơn

Đơn thư được tiếp nhận từ các nguồn như gửi qua dịch vụ bưu chính; do cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trực tiếp gửi đến qua bộ phận tiếp nhận đơn, thư của cơ quan; qua hộp thư góp ý của cơ quan; do lãnh đạo Hội chuyển đến; do cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyển đến theo quy định của pháp luật.

Một số tiêu chí chủ yếu để phân loại đơn như sau:

- Phân loại theo nội dung đơn: khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Phân loại theo điều kiện xử lý: Đơn đủ điều kiện xử lý và đơn không đủ điều kiện xử lý.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, tổ chức: Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước; Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan dân cử; Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án; Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo; Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sự nghiệp công lập; Đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của doanh nghiệp nhà nước.

- Phân loại theo lĩnh vực pháp luật điều chỉnh: Hôn nhân gia đình, Bạo lực gia đình, Mua bán người, dân sự, đất đại, hình sự, kinh tế, hành chính, lao động và các lĩnh vực khác.

**1.2. Đối với đơn khiếu nại**

- Đơn khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội: Hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết khiếu nại theo Khoản 1 Điều 66 Luật Khiếu nại năm 2011.

-Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 44 Luật Khiếu nại thì người xử lý đơn không thụ lý, không chuyển đơn mà hướng dẫn người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính, trừ trường hợp:

- Đơn khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật nhưng qua nghiên cứu, xem xét phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 38 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại thì người xử lý đơn phải báo cáo Lãnh đạo Hội xem xét, kiến nghị với cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

**1.3. Đối với đơn tố cáo**

- Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội thì người xử lý đơn đề xuất Lãnh đạo Hội phải chuyển đơn và các chứng cứ, thông tin, tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định tại Điều 24 Luật tố cáo 2018.

- Trường hợp người tố cáo đến địa điểm tiếp dân trực tiếp trình bày tố cáothì người tiếp công dân hướng dẫn người tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết (không làm văn bản chuyển đơn tố cáo).

- Tố cáo thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật tố cáo thì người xử lý đơn không chuyển đơn, không thụ lý để giải quyết.

- Đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, tính mạng, tài sản của công dân thì phải đề nghị các cơ quan chức năng áp dụng biện pháp cần thiết theo thẩm quyền hoặc báo ngay cho cơ quan công an, cơ quan khác có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm.

- Đối với đơn tố cáo xuất phát từ việc khiếu nại không đạt được mục đích công dân chuyển sang tố cáo người giải quyết khiếu nại nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc tố cáo của mình thì cơ quan, người có thẩm quyền không thụ lý giải quyết nội dung tố cáo

**1.4. Các loại đơn khác**

- Đơn phản ánh, kiến nghị: Đơn phản ánh, kiến nghị không thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết thì người xử lý đơn đề xuất Lãnh đạo Hội xem xét, quyết định việc chuyển đơn và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đơn có nhiều nội dung khác nhau:Đối với đơn có nhiều nội dung khác nhau thuộc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị thì người xử lý đơn hướng dẫn người gửi đơn tách riêng từng nội dung để gửi đến đúng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết.

**1.5. Xếp lưu đơn**

- Đơn không đủ điều kiện xử lý.

- Đơn đã hết thời hạn, thời hiệu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đơn đã có quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật; kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật mà không có nội dung, tình tiết mới có thể làm thay đổi nội dung đã giải quyết.

- Đơn rách nát, tẩy xóa chữ không đọc được.

- Thời hạn lưu trữ các loại đơn nêu trên là một năm. Việc tiêu hủy do lãnh đạo Hội quyết định.

### 2. Giải pháp thực hiện tốt công tác giải quyết đơn thư

- Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết đơn thư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn pháp luật, giải quyết đơn thư trong hệ thống Hội thông qua các khoá đào tạo, các lớp tập huấn nghiệp vụ.

- Kết nối, duy trì hiệu quả hoạt động của các Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, nhà tạm lánh, chuyên gia tư vấn, tổ tư vấn cộng đồng, trung tâm tư vấn pháp luật, các cơ quan liên quan để kịp thời hỗ trợ tại chỗ cho phụ nữ và trẻ em.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các Trung tâm tư vấn pháp luật, trung tâm hỗ trợ hôn nhân có yếu tố nước ngoài; tăng cường kết nối các Trung tâm, phòng tư vấn/tham vấn của Hội với các Trung tâm tư vấn, trợ giúp pháp lý, đường dây nóng, các tổ chức có liên quan nhằm trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nâng cao năng lực thực hiện tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo của Hội, hỗ trợ giải quyết các vấn đề của phụ nữ và trẻ em gái.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết khiếu nại, tố cáo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ

## IV. KINH NGHIỆM THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ

- Trong quá trình giải quyết, cán bộ giải quyết đơn thư cần phải nghiên cứu kỹ hồ sơ, xem xét toàn diện vụ việc, cả về hồ sơ, chứng cứ và các văn bản luật liên quan đến nội dung vụ việc; gọi điện xác minh, làm rõ để có sự tham mưu phù hợp.

-Cần nghiên cứu quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật để áp dụng.

- Khi xử lý vụ việc: nếu kết quả của quá trình xác minh khác với kết quả của người khiếu nại trong đơn thư, vụ việc, đánh giá thấy vụ việc có nội dung và tình tiết phức tạp, cần làm rõ thêm thì nên tổ chức các cuộc họp tư vấn chuyên gia, hội thảo, tọa đàm… để nghe thêm ý kiến của người khiếu nại, cá nhân tổ chức bị khiếu nại và các cá nhân, tổ chức có liên quan để có cách nhìn, đánh giá khách quan đối với các chứng cứ, tránh oan sai trong quá trình giải quyết. Khi có kết quả giải quyết phải thông báo cho các bên liên quan được biết.

-Đối với những vụ việc phức tạp, cần phải có sự tham vấn của các chuyên gia, các ngành trước khi ban hành công văn giải quyết vụ việc nhằm giúp cho kết quả giải quyết khiếu nại chính xác, khách quan, công bằng và tính khả thi cao.

- Tích cực tham gia, phối kết hợp với chính quyền địa phương, các cấp, các ngành, đoàn thể vận động người dân không nghe kẻ xấu lợi dụng xúi giục đi khiếu nại ở nhiều cấp, gây rối chính quyền địa phương làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh – xã hội. Gần gũi với người dân khiếu kiện, tuyên truyền, giải thích cho người dân hiểu về pháp luật, nhất là việc khiếu nại sai, vận động cho người dân chấp hành quyết định giải quyết đúng pháp luật của cơ quan nhà nước, không để kẻ xấu lợi dụng lôi kéo khiếu kiện đông người. Mặt khác, phải xem xét những khó khăn của họ để có hướng tham mưu giải quyết.

## V. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Luật Tố cáo 2018;

- Luật Khiếu nại 2011;

- Thông tư số 05/2021/TT-TTCP Thông tư của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh.

# B. CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

## I. NỘI DUNG CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ quan trọng trong các hoạt động của Đảng, Nhà nước và các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta. Đây là hoạt động nhằm hiện thực hoá quyền dân chủ của công dân, là sự cụ thể hoá quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của công dân, phát huy vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời đây cũng là biểu hiện sinh động phản ánh bản chất dân chủ của Nhà nước ta, nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Mặt khác, thông qua công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo giúp cho Đảng và Nhà nước tiếp nhận được những thông tin phản hồi từ thực tế, những vấn đề nảy sinh từ cuộc sống, từ đó đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, hợp lòng dân.

 Tiếp công dân là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân quy định tại Điều 4 của Luật Tiếp công dân đón tiếp để lắng nghe, tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; giải thích, hướng dẫn cho công dân về việc thực hiện khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo đúng quy định của pháp luật.

Tiếp công dân bao gồm tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân định kỳ và tiếp công dân đột xuất.

## II. QUY TRÌNH, KỸ NĂNG TIẾP CÔNG DÂN

***Bước 1: Tiếp đón***

- Khi tiếp công dân, người tiếp công dân đề nghị công dân nêu rõ họ tên, địa chỉ và xuất trình giấy tờ tuỳ thân, giấy giới thiệu (nếu là đại diện cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo), giấy uỷ quyền (nếu là người được uỷ quyền) hoặc xuất trình giấy tờ chứng minh việc đại diện hợp pháp nếu là người đại diện hợp pháp hoặc Thẻ luật sư nếu là Luật sư. Nếu công dân không vi phạm Điều 9 của Luật Tiếp công dân[[15]](#footnote-15) thì người tiếp công dân tiến hành việc tiếp công dân.

- Trường hợp công dân vi phạm các quy định tại Điều 9 Luật Tiếp công dân thì người tiếp công dân được quyền từ chối tiếp. Trong trường hợp từ chối, người tiếp công dân phải giải thích cho công dân hiểu, khi cần thiết phải lập biên bản từ chối tiếp công dân và đề nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật hoặc báo cáo lãnh đạo ban, đơn vị để tham mưu cho Đoàn Chủ tịch/Ban Thường vụ Hội LHPN ra thông báo về việc từ chối tiếp công dân. Thông báo từ chối tiếp công dân thực hiện theo mẫu quy định.

***Bước 2: Nghe, ghi chép, tiếp nhận đơn, thông tin, tài liệu***

- Khi người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh có đơn trình bày nội dung rõ ràng, đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Khiếu nại năm 2011, khoản 1 Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018 và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân ghi vào Sổ tiếp công dân theophải làm Giấy biên, trong đó ghi rõ từng loại thông tin, tài liệu, bằng chứng, xác nhận của người cung cấp. Giấy biên nhận được lập thành 03 bản, 01 bản giao cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, 01 bản lưu vào hồ sơ, 01 bản cán bộ tiếp công dân lưu.

- Trường hợp người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh không có đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân hướng dẫn viết đơn theo quy định của pháp luật. Nếu công dân trình bày trực tiếp thì người tiếp dân ghi chép đầy đủ, trung thực, chính xác nội dung do công dân trình bày, nội dung nào chưa rõ thì đề nghị công dân trình bày thêm, sau đó đọc lại cho người trình bày nghe và đề nghị họ ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào đơn.

- Trường hợp trong đơn vừa có nội dung khiếu nại, vừa có nội dung tố cáo, kiến nghị, phản ánh thì người tiếp công dân hướng dẫn công dân viết thành từng loại đơn riêng theo đúng quy định của pháp luật.

***Bước 3: Phân loại, xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh***

- Trên cơ sở lắng nghe, ghi chép, thông tin, tài liệu công dân cung cấp, cán bộ tiếp công dân cần xác định đúng nội dung vụ việc, yêu cầu của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và cơ quan có thẩm quyền trực tiếp giải quyết việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh để xử lý cho phù hợp.

**-** Việc phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết trong quá trình tiếp công dân được thực hiện theo Điều 26 Luật Tiếp công dân.

- Trường hợp nhận được đơn khiếu nại, tố cáo không do người khiếu nại, người tố cáo trực tiếp chuyển đến thì thực hiện việc phân loại và xử lý theo quy định phần III- Hướng dẫn xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

***Bước 4: Theo dõi, quản lý việc tiếp công dân***

Kết thúc buổi tiếp công dân cán bộ tiếp công dân cần ghi chép tóm tắt kết quả tiếp và xử lý của mình vào sổ tiếp công dân hoặc nhập vào phần mềm quản lý công tác tiếp công dân.

## III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

-  Cần thường xuyên tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thi hành về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Nêu cao vai trò của người đứng đầu UBND cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã trong việc chú trọng công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, đột xuất, tăng cường trực tiếp gặp gỡ, đối thoại với công dân để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của công dân, kịp thời giải thích, hướng dẫn cho công dân hiểu rõ, cũng như giải quyết các vụ việc thỏa đáng, đúng pháp luật.
  - Bố trí đủ cán bộ và lựa chọn cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, am hiểu pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có kỹ năng, kinh nghiệm tuyên truyền, giải thích, vận động quần chúng làm công tác tiếp dân. Bên cạnh nắm vững kiến thức chuyên môn, vận dụng chuẩn xác các qui định của pháp luật vào công việc hằng ngày, cán bộ tiếp dân phải có tinh thần trách nhiệm cao, gần gũi công dân để hiểu được tâm tư, nguyện vọng của người dân, luôn có ý thức cầu thị, linh hoạt nhạy bén trong xử lý tình huống, có thái độ ứng xử phù hợp, thông minh. Rèn luyện nâng cao kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật trong tiếp công dân sẽ có tác dụng hết sức to lớn.

*-* Cần tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước nhất là pháp luật về khiếu nại, tố cáo, đến từng người dân nhằm giúp người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân theo hình thức lồng ghép với các chương trình khác, phù hợp với từng thời điểm, từng đối tượng, có nhiều nội dung phong phú, thiết thực để thu hút được nhiều người nghe nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

# C. TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ[[16]](#footnote-16)

*Điều 2 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 quy định Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật. Hoạt động trợ giúp pháp lý là hoạt động nghề nghiệp mang tính pháp lý cao. Hoạt động trợ giúp pháp lý chủ yếu do người thực hiện trợ giúp pháp lý thực hiện thông qua các hình thức tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, tham gia tố tụng.*

## I. KHÁI NIỆM TƯ VẤN PHÁP LUẬT

Tư vấn pháp luật là một loại hình dịch vụ trí tuệ, trong đó người có trình độ hiểu biết pháp luật sâu rộng đưa ra những ý kiến của mình về một vấn đề cụ thể nào đó có liên quan đến pháp luật. Những ý kiến đó không mang tính chất bắt buộc (tính cưỡng chế) người được tư vấn phải thực hiện, nhưng nên thực hiện bởi những lời tư vấn đó đều là những quy định của pháp luật.

Trong hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật là một trong những hình thức trợ giúp pháp lý. Hoạt động tư vấn pháp luật do Người thực hiện trợ giúp pháp lý tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc. Như vậy, tư vấn pháp luật trong trợ giúp pháp lý được hiểu là hướng dẫn, đưa ra các ý kiến pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý trong các tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc,… nhẳm giúp họ có thể ứng xử phù hợp với pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

## II. HÌNH THỨC VÀ LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

- Theo quy định hiện nay thì Tư vấn pháp luật trong TGPL được thực nhiện bằng văn bản.

- Tư vấn pháp luật được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật: Hình sự, tố tụng hình sự; Dân sự, tố tụng dân sự; hành chính, tố tụng hành chính; Lao động, việc làm; Đất đai, nhà ở; Đất đai, môi trường… trừ lĩnh vực pháp luật có liên quan đến kinh doanh, thương mại.

## III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TƯ VẤN PHÁP LUẬT

- Giao tiếp: Đây là quá trình trao đổi thông tin giữa người thực hiện TVPL, TGPL và người được TVPL, TGPL giúp họ hiểu rõ hơn yêu cầu, mong muốn,... của người được tư vấn, trợ giúp. Do vậy, cần chú ý đến các kỹ năng, thái độ tiếp nhận thông tin, kỹ năng nghe, thấu hiểu với người được TVPL, TGPL trình bày để hiểu rõ hơn tình tiết vụ việc từ đó đánh giá chính xác hơn yêu cầu của họ.

- Người thực hiện TVPL, TGPL cần: quan tâm và sẵn sàng giúp đỡ họ; tôn trọng, không phán xét họ; nhiệt tình, chân thành, cởi mở để tạo lòng tin cho họ; quan tâm, cảm thông đến yêu cầu của người được TVPL, TGPL,... Khi gặp gỡ, giao tiếp với người được TVPL, TGPL, người thực hiện TVPL, TGPL cố gắng tìm hiểu về tâm lý của từng diện người được TVPL, TGPL, các mối quan hệ xã hội của người được TVPL, TGPL để có thái độ ứng xử, giao tiếp phù hợp. Khi tiếp xúc với bất cứ diện người được TVPL, TGPL, người thực hiện TVPL, TGPL đều phải khiêm tốn, thể hiện thái độ đúng mực, tôn trọng họ và tạo không khí đối thoại tự do, cởi mở để xây dựng niềm tin trên tinh thần hiểu biết lẫn nhau. Đối với người được TVPL, TGPL là người dân tộc thiểu số không nói được hoặc không thạo tiếng phổ thông, nếu người tư vấn không biết tiếng dân tộc thì phải mời người có uy tín biết tiếng dân tộc như già làng, trưởng bản cùng tham gia để có thể hiểu được những điều họ trình bày và yêu cầu của họ.

Khi nghe người được TVPL, TGPL trình bày, người thực hiện TVPL, TGPL cần chú ý lắng nghe và ghi chép đầy đủ những nội dung chính, ý chính, trên cơ sở đó có thể đặt những câu hỏi yêu cầu đối tượng để làm rõ thêm các tình tiết của vụ việc. Kiên trì lắng nghe những gì họ nói, không nên cắt ngang hoặc hỏi trong khi họ đang trình bày về vụ việc; Dùng cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ thể hệ đang chăm chú lắng nghe họ nói; Dùng lời nói, thái độ, cử chỉ để kiểm tra hoặc khẳng định lại những thông tin họ cung cấp; Tóm lược lại các nội dung mang tính bản chất của vụ việc một cách chính xác, khằng định lại vợi họ về yêu cầu tư vấn và thống nhất quan điểm với họ về những nội dung cần tư vấn.

- Tra cứu tài liệu tham khảo: Trong quá trình tư vấn pháp luật, người thực hiện TVPL, TGPL phải giải đáp pháp luật, cung cấp thông tin pháp luật về quyền và nghĩa vụ của người được TVPL, TGPL, đưa ra những lời khuyên về những vấn đề có liên quan đến pháp luật, hướng dẫn đối tượng xử sự phù hợp với pháp luật... Để đưa ra lời tư vấn pháp luật chính xác, việc tra cứu tài liệu pháp luật trong quá trình tư vấn là điều kiện bắt buộc bởi vì: Thứ nhất, để khẳng định với người được TVPL, TGPL rằng người thực hiện TVPL, TGPL đang thực hiện tư vấn theo pháp luật, trên cơ sở pháp luật chứ không phải theo cảm tính chủ quan, duy ý chí của mình; thứ hai, việc tra cứu tài liệu pháp luật có liên quan đến vụ việc tư vấn sẽ giúp người thực hiện TVPL, TGPL kiểm tra tính chính xác những tư duy và khẳng định chính thức những lời tư vấn của mình là đúng pháp luật vì trong thực tiễn, không phải bao giờ người tư vấn cũng có thể nhớ chính xác tất cả các quy định thuộc các lĩnh vực pháp luật khác nhau. Nếu thấy cần thiết hoặc người được TVPL, TGPL yêu cầu thì người tư vấn có thể cung cấp cho đối tượng bản sao văn bản, tài liệu đó cùng với lời tư vấn mà mà mình đưa ra.

Trường hợp vụ việc tư vấn có liên quan đến lĩnh vực pháp luật mà người người thực hiện TVPL, TGPL chưa hiểu sâu thì nên gặp các nhà chuyên môn hay đồng nghiệp khác am hiểu sâu về lĩnh vực pháp luật đó để tham khảo ý kiến trước khi đưa ra lời tư vấn, tránh tình trạng mặc dù người tư vấn chưa nắm vững pháp luật nhưng vẫn thực hiện tư vấn, đưa ra những lời khuyên không chính xác, không đúng pháp luật, gây hậu quả cho xấu cho đối tượng.

- Tra cứu các tài liệu văn bản pháp luật có liên quan để phục vụ cho việc tư vấn. Trong trường hợp sau khi đã nghiên cứu hồ sơ và các văn bản pháp luật có liên quan, nếu thấy yêu cầu của đối tượng có liên quan đến những vấn đề thuộc lĩnh vực khác thì người tư vấn nên tham khảo ý kiến của nhà chuyên môn hoặc người tư vấn thuộc lĩnh vực đó. Người tư vấn cũng có thể yêu cầu đối tượng gặp để xin tư vấn về những vấn đề mà mình đã phát hiện nhưng không thuộc chuyên môn của mình, tránh tình trạng mặc dù không thuộc chuyên môn của mình nhưng vẫn thực hiện việc tư vấn dẫn đến việc đưa ra những kết luận không chính xác, không đúng pháp luật.

- Xem xét, xác minh vụ việc: Xem xét, xác minh vụ việc là việc rất quan trọng, đặc biệt đối với những vụ việc phức tạp, chưa có đủ cơ sở pháp lý (chưa cung cấp đủ các tài liệu cần thiết), liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật hoặc đã được nhiều cơ quan chức năng giải quyết mà người được TVPL, TGPL vẫn không đồng ý hoặc trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ việc, người thực hiện TVPL, TGPL thấy chưa đủ cơ sở để trả lời, cần phải tiến hành điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ, gặp gỡ, tiếp xúc với các cơ quan chức năng và những người có liên quan để tìm hiểu rõ bản chất vụ việc, tránh đưa ra những kết luận phiến diện, chủ quan.

Quá trình xem xét, xác minh vụ việc đòi hỏi người thực hiện TVPL, TGPL phải thực sự khách quan, tế nhị, nhất là khi tiếp xúc với các cơ quan đã giải quyết vụ việc hoặc bên có lợi ích đối kháng trong vụ việc tranh chấp. Thông thường, những cơ quan, tổ chức và người bị kiện luôn bảo vệ những việc họ đã làm nên chỉ đưa ra những thông tin có lợi cho họ. Vì vậy, người thực hiện TVPL, TGPL cần khéo léo đề nghị các cơ quan hữu quan cung cấp những thông tin, tài liệu chính xác, trung thực.

- Soạn văn bản trả lời cho người được TVPL, TGPL: Văn bản tư vấn cho người được TVPL, TGPL phải được ghi rõ địa điểm, thời gian; họ, tên, địa chỉ đối tượng nhận văn bản. Văn bản tư vấn cần có cơ cấu như sau: Lý do để người thực hiện TVPL, TGPL trả lời, hướng dẫn người được TVPL, TGPL; Nêu rõ yêu cầu tư vấn của người được TVPL, TGPL, đưa ra các căn cứ pháp luật để trả lời trực tiếp các yêu cầu mà người được TVPL, TGPL nêu ra. Văn bản trả lời người được TVPL, TGPL phải rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu và được người thực hiện TVPL, TGPL ký.

## IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TƯ VẤN PHÁP LUẬT.

- Nâng cao năng lực tư vấn pháp luật, TGPL cho đội ngũ cán bộ khi thực hiện tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý.

- Chú trọng hoàn thiện môi trường pháp lý nhằm đề cao vị thế, hình ảnh dấn thân bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người trong hoạt động tư pháp, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của đội ngũ luật sư. Tăng cường công tác bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức pháp luật, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp. Đổi mới về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng chuyên sâu, phù hợp với định hướng chung.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ.

- Tăng cường sự phối hợp, tham vấn với các Tổ chức hành nghề luật sư, các cơ quan, đơn vị có liên quan, đội ngũ chuyên gia là luật sư, luật gia, cộng tác viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật.

- Nâng cao thói quen tiếp cận các dịch vụ tư vấn pháp luật của hội viên, phụ nữ và người dân; khuyến khích họ tiếp cận các kênh thông tin hay các tổ chức hành nghề luật để nhận được những lời khuyên cũng như giải đáp các thắc mắc một cách cụ thể nhất, trách trường hợp “sự việc đã rồi”.

CHUYÊN ĐỀ 6

 CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ PHỤ NỮ, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI

# I. NỘI DUNG CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ PHỤ NỮ, TRẺ EM BỊ XÂM HẠI

- Thực hiện cơ chế phối hợp giữa Hội với các ngành tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan điều tra và các cơ quan quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, cơ quan truyền thông và xã hội để can thiệp, tham gia giải quyết các vụ việc xâm hại quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, trong đó, chú trọng: phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em gái; phối hợp truyền thông về các vụ việc nghiêm trọng liên quan đến phụ nữ, trẻ em gái, gây bức xúc trong dư luận (tổ chức họp báo, chỉ đạo các cơ quan truyền thông của mỗi ngành thông tin về vụ việc…); phối hợp giám sát hoạt động tư pháp đối với các vụ việc liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em gái.

- Thiết lập cơ chế giải quyết vụ việc hiệu quả, kịp thời thông qua thành lập các Tổ tư vấn, xây dựng mạng lưới, tăng cường tham vấn chuyên gia, phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng để tham gia giải quyết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em gái, nhất là những vụ việc có tính nhạy cảm như xâm hại tình dục, bạo lực gia đình.

# II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM

- Chủ động đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng biện pháp cần thiết để can thiệp, hỗ trợ, bảo vệ phụ nữ, trẻ em kịp thời, đảm bảo quy định của pháp luật.

- Tăng cường hoạt động tư vấn, tham vấn chuyên gia, trong đó có các thành viên đang công tác trong các cơ quan tố tụng, điều tra. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, tư vấn kịp thời về cách thức tham gia, lên tiếng của tổ chức Hội đối với các vụ việc can thiệp hỗ trợ bảo vệ quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

- Các cấp Hội nắm bắt và thực hiện tốt quy trình cung cấp, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, chủ động hơn trong việc nắm tình hình các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Kịp thời thông báo cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết, đặc biệt các vụ việc được công luận quan tâm.

- Đẩy mạnh chương trình phối hợp trên nhiều phương diện, đặc biệt là đối với các vụ việc phức tạp, dư luận quan tâm; phục vụ và phối hợp thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát về thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em; phối hợp để kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật và đảm bảo để thực thi pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em.

- Duy trì và nhân rộng các mô hình phòng ngừa có hiệu quả về xâm hại phụ nữ, trẻ em gái, phòng chống bạo lực gia đình (đặc biệt là Mô hình Ngôi Nhà Bình yên, tổ tư vấn cộng đồng, tổ tư vấn tâm lý, pháp lý); Vận hành đầu số hotline 1900969680 và phần mềm quản lý ca, quản lý dữ liệu tại Trung tâm Phụ nữ và Phát triển-TW Hội để kịp thời phát hiện, phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp đối với các vụ việc vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em gái; Phát huy vai trò tư vấn của đội ngũ Ủy viên BCH các ngành, đội ngũ chuyên gia trong bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

# III. KỸ NĂNG TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC LÊN TIẾNG BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM[[17]](#footnote-17)

## 1. Đảm bảo nguyên tắc tham gia giải quyết lên tiếng các vụ việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em trong hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

- Tuân thủ quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

- Tôn trọng sự thật khách quan, kịp thời nắm bắt thông tin, hạn chế mức thấp nhất các vụ việc xâm hại, bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em được phát hiện mà tổ chức Hội không lên tiếng.

- Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, yêu cầu giải quyết các vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo an toàn, bảo vệ quyền của phụ nữ và trẻ em là ưu tiên hàng đầu; không phân biệt đối xử; quan tâm đến nhóm dễ bị tổn thương; khuyến khích khả năng tự giải quyết vấn đề của nạn nhân, sự trợ giúp của cộng đồng, sự hợp tác của gia đình và trách nhiệm chính quyền, các ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể ở cơ sở; đảm bảo quyền riêng tư và bảo mật thông tin.

## 2. Thực hiện các quy trình tham gia giải quyết các vụ việc theo các bước:

Gồm 05 bước sau:

**Bước 1**: **Tiếp nhận, phân loại thông tin**

Các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tiếp nhận thông tin các vụ việc qua: Các phương tiện thông tin đại chúng; mạng xã hội; fanpage của Hội; báo cáo, thông tin thu nhận được từ sinh hoạt chi, tổ Hội; phản ảnh của cán bộ, hội viên, phụ nữ, Nhân dân; tin báo tố giác tội phạm từ chính quyền và cơ quan công an.

Đối với nguồn thông tin về các vụ việc qua đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, yêu cầu giải quyết các vụ việc gửi đến các cấp Hội; công dân trực tiếp đến Phòng tiếp công dân thuộc cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bộ phận tiếp công dân của các cấp Hội để khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, yêu cầu giải quyết các vụ việc thì các cấp Hội giải quyết theo Hướng dẫn tiếp công dân và giải quyết đơn thư (*Ban hành kèm theo Quyết định số 7227/QĐ- ĐCT ngày 21/01/2022*).

 **Bước 2: Phân tích vụ việc**

- Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phân loại, xử lý bước đầu khi nhận được thông tin; xác định đúng nội dung, yêu cầu của vụ việc trên cơ sở thu thập, đối chiếu thông tin nhận được; phân loại vụ việc và phân công ban, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết; xác định cơ quan có thẩm quyền trực tiếp giải quyết vụ việc để tham gia phối hợp xử lý, giải quyết, giám sát theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình và kịp thời báo cáo nội dung phản ánh kết quả giải quyết lên Hội cấp trên.

- Tùy từng tính chất vụ việc và tình hình thực tế, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp có thể tham vấn ý kiến theo hình thức tư vấn chuyên gia hoặc tổ chức hội thảo ca, hội nghị lấy ý kiến. Sau khi tham vấn, các cấp Hội xác định hướng giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tính chất, nội dung, địa bàn, đối tượng liên quan.

- Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phải xác định trách nhiệm của từng cấp Hội trong tham gia giải quyết vụ việc; trường hợp cần thiết, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em. Hội Liên hiệp phụ nữ cấp trên chỉ đạo Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp xác minh thông tin vụ việc, tư vấn và có biện pháp hỗ trợ, can thiệp phù hợp.

**Bước 3: Trao đổi, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền**

- Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền cùng cấp trong giải quyết các vụ việc để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

- Các cấp Hội cử đại diện trao đổi, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hoặc gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết (tùy tính chất vụ việc cụ thể). Nội dung làm việc, văn bản cần bám sát quy định pháp luật, thể hiện được quan điểm của Hội. Đồng thời, thường xuyên nắm tiến độ kết quả xử lý vụ việc từ các cơ quan có thẩm quyền để tiếp tục tư vấn, hỗ trợ nạn nhân (nếu cần), tham gia quá trình giải quyết các vụ việc, đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân theo quy định của pháp luật hoặc đề xuất, kiến nghị.

- Đối vớinhững vụ việc phức tạp, các cấp Hội chủ trì giám sát hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan thành lập đoàn giám sát trực tiếp làm việc với các cơ quan chức năng đối chiếu các nội dung liên quan để tìm hiểu rõ các nội dung vụ việc, quá trình giải quyết vụ việc của các cơ quan có thẩm quyền để có kiến nghị xác đáng, kịp thời.

**Bước 4: Phát ngôn, tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ trong từng vụ việc**

***a) Phát ngôn, thể hiện chính kiến của Hội trên các phương tiện thông tin đại chúng***

Trước những vụ việc xâm hại, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em gây bức xúc trong dư luận, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp cần phân công người đại diện, lựa chọn hình thức phù hợp, kịp thời lên tiếng trên các phương tiện thông tin đại chúng để bảo vệ quyền của phụ nữ, trẻ em theo đúng quy định của pháp luật. Lưu ý đến yếu tố bảo mật thông tin cá nhân; chỉ nên đưa thông tin thể hiện quan điểm của tổ chức Hội, không thông tin vụ việc theo hình thức đưa tin, trần thuật lại vụ việc.

*\* Đối với cấp Trung ương:*

Ban Tuyên giáo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tham mưu đề xuất người phát ngôn, nội dung, cách thức phát ngôn, lên tiếng trong từng vụ việc; cách thức, thời điểm, phạm vi lên tiếng (trực tiếp trả lời phỏng vấn các cơ quan báo chí, truyền hình hoặc gián tiếp gửi công văn tới các cơ quan báo chí thể hiện quan điểm, thái độ của tổ chức Hội).

Ban Tuyên giáo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan truyền thông của Hội (Báo Phụ nữ Việt Nam, Trang web Hội) định hướng và phối hợp với các tỉnh, thành, đơn vị… có Báo, trang Web, Tạp chí, Thông tin đăng tải thông tin thể hiện chính kiến, thái độ của Hội.

*\* Đối với các cấp Hội:*

Những vụ việc do các cơ quan báo chí phát hiện và yêu cầu được phỏng vấn Lãnh đạo Hội, Ban được giao nhiệm vụ phát ngôn, thể hiện chính kiến của Hội tại cấp đó chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân, các ngành, đơn vị liên quan tìm hiểu, xác minh vụ việc, tham mưu nội dung trả lời chính xác và kịp thời.

***b) Tư vấn, hỗ trợ cho nạn nhân, gia đình nạn nhân***

Đối với vụ việc cần hỗ trợ tâm lý, các cấp Hội chủ động tiếp xúc với nạn nhân và gia đình nạn nhân; tùy từng trường hợp có thể gặp gỡ thông qua Hội Liên hiệp phụ nữ cơ sở hoặc người thân, bạn bè của nạn nhân; trước khi tiếp xúc, cần nghiên cứu các thông tin liên quan đến vụ việc, chuẩn bị các tình huống xảy ra khi gặp gỡ; trường hợp cần thiết có thể mời chuyên gia/bác sỹ tâm lý, luật sư đi cùng; động viên, chia sẻ, lắng nghe nạn nhân và người thân trong gia đình; phân công cán bộ Hội cấp dưới (đặc biệt là cán bộ Hội cơ sở) thường xuyên gặp gỡ, động viên.

Đối với vụ việc cần hỗ trợ về đời sống, các cấp Hội tìm hiểu kỹ về hoàn cảnh gia đình và nhu cầu của nạn nhân; ưu tiên những nhu cầu trước mắt và cấp thiết; tùy từng vụ việc để sử dụng cách thức hỗ trợ phù hợp: Hỗ trợ vật chất (tiền, nhu yếu phẩm, đồ dùng học tập…); hỗ trợ chăm sóc y tế, khám chữa bệnh; hỗ trợ nơi ở đảm bảo an toàn. Trường hợp cần thiết có thể làm thủ tục đưa về Ngôi nhà bình yên của Trung ương Hội hoặc các nhà tạm lánh, các cơ sở hỗ trợ nạn nhân của các địa phương, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng. Nếu phụ nữ có trẻ đi cùng, cần quan tâm nơi ăn, học tập cho trẻ; dạy nghề, giới thiệu việc làm; hỗ trợ hòa nhập cộng đồng, tham gia các hoạt động cộng đồng; hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng sống.

***c) Hỗ trợ pháp lý***[[18]](#footnote-18)

Tùy từng tính chất vụ việc, các cấp Hội lựa chọn hình thức hỗ trợ pháp lý phù hợp với yêu cầu của đối tượng phụ nữ và trẻ em liên quan đến vụ việc và đảm bảo quy định của pháp luật.

**Bước 5: Theo dõi, giám sát giải quyết các vụ việc** **của các cơ quan có thẩm quyền**

* 1. - Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền trong công tác tham gia giải quyết các vụ việc; theo dõi, giám sát việc giải quyết của các cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc.
	2. - Trường hợp sau khi Hội có công văn chuyển đơn, công văn kiến nghị gửi các cơ quan có thẩm quyền nhưng hết thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật mà các cơ quan có thẩm quyền chưa trả lời thì Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp cần chủ động có các biện pháp để đôn đốc, kiến nghị các cơ quan đó hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan đó giải quyết.
	3. - Lưu trữ hồ sơ vụ việc.

CHUYÊN ĐỀ 7

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

# I. KHÁI NIỆM[[19]](#footnote-19)

*Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) được hiểu theo hai nghĩa:*

Hiểu theo nghĩa hẹp là: truyền đạt tinh thần, nội dung pháp luật giúp cho đối tượng tác động hiểu và hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm, thực hiện hành vi phù hợp với các đòi hỏi của các quy định pháp luật hiện hành.

Hiểu theo nghĩa rộng là công tác, lĩnh vực hoạt động, bao gồm tất cả các công đoạn phục vụ cho việc thực hiện PBGDPL (xây dựng chương trình, kế hoạch PBGDPL; triển khai chương trình, kế hoạch PBGDPL thông qua việc áp dụng các hình thức, biện pháp PBGDPL; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc thực hiện chương trình, kế hoạch PBGDPL).

*PBGDPL có một số đặc điểm sau:*

- PBGDPL là một bộ phận của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng.

- PBGDPL có mối liên hệ chặt chẽ với công tác xây dựng, thi hành pháp luật.

- PBGDPL được tổ chức thực hiện bởi những chủ thể xác định (Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, UBND các cấp và các cơ quan, tổ chức khác).

- PBGDPL nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật giúp đối tượng được tác động có những hiểu biết nhất định về pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho đối tượng.

# II. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có vai trò rất quan trọng, xác định đó là cầu nối để đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với mọi người dân, góp phần nâng cao nhận thức, ngăn chặn và làm hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

*Nâng cao hiểu biết pháp luật cho đối tượng*

PBGDPL chính là phương tiện truyền tải những thông tin, các quy định pháp luật đến với người dân, giúp cho người dân hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời, qua đó nâng cao hiểu biết pháp luật cho người dân. PBGDPL giúp người dân hiểu biết về quyền của mình, thực hiện được các quyền đó và yêu cầu bồi thường khi các quyền của mình bị xâm phạm.

*Hình thành niềm tin vào pháp luật của đối tượng*

Pháp luật được xây dựng là để bảo vệ cho quyền và lợi ích của người dân, bảo đảm công bằng và dân chủ xã hội. Khi người dân nhận thức đầy đủ được như vậy thì họ sẽ tự giác thực hiện. PBGDPL để mọi người hiểu biết và tin tưởng vào pháp luật, hiểu biết về quá trình thực hiện và áp dụng pháp luật.

*Nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của đối tượng*

 Ý thức pháp luật của người dân được hình thành từ hai yếu tố, đó là tri thức pháp luật và tình cảm pháp luật. PBGDPL nhằm hình thành, củng cố tình cảm tốt đẹp của con người với pháp luật, đồng thời nâng cao sự hiểu biết của con người đối với các văn bản pháp luật và các hiện tượng pháp luật trong đời sống, từ đó nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người dân.

*Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước, quản lý xã hội*

Công tác PBGDPL bắt nguồn từ chính vai trò và giá trị xã hội của pháp luật, là phương tiện hàng đầu để quản lý Nhà nước, quản lý xã hội. PBGDPL giúp cho mọi người có tri thức pháp lý, tình cảm pháp luật đúng đắn và hành vi hợp pháp, tạo tiền đề cho việc sử dụng quyền lực Nhà nước, tăng cường pháp chế, phát huy dân chủ và quyền tự do của mỗi người.

PBGDPL tạo ra khả năng đổi mới các quan hệ xã hội trong môi trường quản lý Nhà nước bằng pháp luật, hình thành các điều kiện và nhân tố thuận lợi cho quá trình quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; tạo ra khả năng phát hiện và loại trừ những hiện tượng tiêu cực, chống đối pháp luật diễn ra trong quá trình quản lý.

# III. NỘI DUNG

## 1. Nội dung tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Bám sát các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong việc triển khai thực hiện các hình thức PBGDPL quy định tại Điều 10 Luật PBGDPL năm 2012; thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, hội viên phụ nữ; các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật trung ương, Bộ Tư pháp và MTTQ Việt Nam, TW Hội LHPN Việt Nam.

- Tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế. Cụ thể như: Luật hôn nhân và gia đình; Luật trẻ em; Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Luật hôn nhân và gia đình; Luật phòng, chống mua bán người; Công ước quốc tế về phòng, chống mua bán người; Luật phòng, chống ma tuý; Luật Bảo vệ môi trường; Luật Bình đẳng giới; Bộ Luật lao động; Luật đất đai…; các Nghị định, Nghị quyết liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình và bình đẳng giới.

- Đối tượng, địa bàn cần tập trung nguồn lực: Tập trung ưu tiên phụ nữ dân tộc thiểu số, tôn giáo, phụ nữ di cư, phụ nữ nông thôn, phụ nữ khuyết tật, cao tuổi, phụ nữ và trẻ em là nạn nhân của mua bán người, nạn nhân của bạo lực gia đình, xâm hại tình dục; ưu tiên các địa bàn triển khai các chương trình, dự án có tác động lớn đến đời sống nhân dân.

- Tăng cường truyền thông các chính sách có tác động lớn đến xã hội liên quan đến phụ nữ, trẻ em trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Bám sát vào các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật tại Điều 11, Luật PBGDPL năm 2012, bao gồm: (1) Họp báo, thông cáo báo chí; (2) Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; (3) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; (4) Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; (5) Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở; (6) Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở; (7) Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; (8) Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

- Đánh giá, nhân rộng các mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả: CLB “Phụ nữ với Pháp luật”, “Tổ tư vấn cộng đồng”; “Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng”; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật lưu động, tuyên truyền pháp luật thông qua đối thoại chính sách, sân khấu hóa, phiên tòa giả định, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam hàng năm (9/11) …

- Lồng ghép công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với hòa giải ở cơ sở, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý lưu động….

- Đẩy mạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Xây dựng, duy trì chuyên mục về tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử của Hội, mạng xã hội zalo, facebook, fanpage…, vận hành Trang thông tin điện tử kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố, trung ương để cán bộ, hội viên phụ nữ dễ dàng tiếp cận với các thông tin pháp luật chính thống, hữu ích.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan trong việc thực hiện các chương trình phối hợp, các đề án về các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra, giám sát, phản biện chính sách pháp luật, đánh giá hiệu quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tập trung vào tuyên truyền cho phụ nữ nhất là vùng sâu, xa, dân tộc thiểu số, vùng ven biển, nhóm đối tượng (như: phụ nữ tôn giáo, lao động nữ ở các khu công nghiệp tập trung, nữ di cư tự do…).

## 3. Nguồn lực thực hiện

- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng

- Thường xuyên rà soát, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trong hệ thống Hội, am hiểu về pháp luật có liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

- Nâng cao năng lực, thường xuyên, định kỳ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới và các kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật trong hệ thống Hội.

- Đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tập trung nguồn lực, lồng ghép các hoạt động, huy động nguồn lực từ các chương trình, dự án, sáng tạo trong PBGDPL cho hội viên, phụ nữ ở cơ sở, đảm bảo để Hội thực hiện tốt trách nhiệm “Tổ chức PBGDPL cho đoàn viên, hội viên của tổ chức mình, vận động nhân dân chấp hành pháp luật” theo quy định tại Điều 29 Luật PBGDPL 2012.

# IV. KỸ NĂNG TTPBGDPL

Mục đích của tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp là chuyển tải tới người nghe những kiến thức pháp luật, giúp họ nâng cao nhận thức, niềm tin về pháp luật, ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật. Vì vậy, ngoài những kiến thức, kỹ năng cơ bản chung của người báo cáo viên, tuyên truyền viên (như: kỹ năng giao tiếp; gây thiện cảm ban đầu cho người nghe; tạo sự hấp dẫn, ấn tượng trong khi nói; chọn lọc nội dung thông tin; sử dụng ngôn ngữ phổ thông, dễ hiểu; đảm bảo các nguyên tắc sư phạm…) thì báo cáo viên cần lưu ý các nội dung sau:

- *Sử dụng chính xác, đúng thuật ngữ chuyên ngành pháp lý.*

- *Nắm vững đối tượng truyên truyền:* Muốn tuyên truyền thành công, báo cáo viên phải đặt câu hỏi: Nói cho ai nghe... để có sự chuẩn bị về phạm vi, nội dung văn bản pháp luật cần tuyên truyền, phương pháp tuyên truyền phù hợp với trình độ nhận thức, tâm lý, đặc điểm của đối tượng tuyên truyền.

- *Nắm vững vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh:* Đó là các đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực liên quan đến BĐG và các vấn đề thiết thân với PN, TE; các tài liệu lý luận, giáo khoa, các tài liệu liên quan. Để nắm vững vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà văn bản điều chỉnh đòi hỏi báo cáo viên ngoài trình độ chuyên môn tốt cần phải có quá trình tích lũy, sưu tầm với một ý thức trách nhiệm và lòng say mê với nghề nghiệp.

- *Nắm vững nội dung văn bản:* Cụ thể là hiểu rõ bản chất pháp lý của vấn đề được văn bản điều chỉnh, sự cần thiết phải ban hành văn bản; hiểu rõ đối tượng điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh của văn bản; hiểu rõ ý nghĩa của các quy phạm, đặc biệt là ý nghĩa về mặt quản lý Nhà nước, về tác dụng điều chỉnh của từng quy phạm cụ thể; nghiên cứu các văn bản hướng dẫn thi hành, tài liệu hướng dẫn tuyên truyền và hệ thống văn bản điều chỉnh lĩnh vực đó.

- *Sưu tầm tài liệu dẫn chứng, minh họa:* Đây là nội dung rất quan trọng vì nó ảnh hưởng đến chất lượng, độ sâu và sức thuyết phục của buổi tuyên truyền. Khi sưu tầm tài liệu, báo cáo viên cần chú ý đến tính chất, yêu cầu của tài liệu đó, tuyệt đối tránh tài liệu, dẫn chứng minh họa thuộc diện mật của Đảng và Nhà nước; số liệu, dẫn chứng đã cũ không còn phù hợp với hiện tại.

- *Chuẩn bị đề cương:*Bao gồm đề cương sơ bộ và đề cương chi tiết, cần đầy đủ về nội dung, thích hợp với đối tượng, chặt chẽ về bố cục, sắc sảo về lập luận. Để thu hút người nghe và tạo điều kiện cho người nghe hiểu văn bản có tính hệ thống, toàn bộ các phần trong đề cương phải có mối quan hệ hữu cơ với nhau như một câu chuyện: Yêu cầu, nhiệm vụ của văn bản; cơ chế quản lý như thế nào; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể ra sao; chế tài áp dụng đối với người vi phạm thế nào... để sao cho đạt được yêu cầu, nhiệm vụ cần tuyên truyền.

Hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Để đạt hiệu quả của cuộc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp, báo cáo viên pháp luật cần phải dày công tích lũy kiến thức pháp luật, chuẩn bị chu đáo đề cương, tâm lý. Bên cạnh đó, phải có nghệ thuật trong việc gây thiện cảm, ấn tượng, hấp dẫn, chú ý của người nghe từ khi bắt đầu buổi tuyên truyền và trong suốt quá trình truyền đạt; tạo ra sự hứng thú của người nghe, kích thích nhu cầu tìm hiểu pháp luật nói chung và quy định của pháp luật đang giới thiệu; khi kết thúc buổi tuyên truyền để lại những điều lưu ý cho người nghe tiếp tục suy nghĩ, tìm hiểu.

\* **Một số kinh nghiệm:**

- Nội dung tuyên truyền phải gần gũi, thiết thực, có liên quan mật thiết tới phụ nữ, do đó việc lựa chọn các nội dung để thực hiện tuyên truyền, phổ biến trước hết cần dựa trên nhu cầu thực tế của phụ nữ và các vấn đề mang tính “thời sự” của địa phương.

- Tùy theo đặc điểm của từng đối tượng để lựa chọn nội dung tuyên truyền phù hợp là nguyên tắc quan trọng, quyết định sự thành công của công tác tuyên truyền, PBGDPL. Việc phân loại các nhóm đối tượng không chỉ giúp đưa ra hình thức tuyên truyền phù hợp, giúp tinh gọn, cô đọng nội dung cần tuyên truyền, mặt khác còn hướng tới nhu cầu được cung cấp thông tin của phụ nữ.

- Để đạt được hiệu quả cao trong công tác tuyên truyền, PBGDPL cần kết hợp các hình thức tuyên truyền như: cấp phát ấn phẩm sách, báo, tạp chí, tờ rơi, tổ chức các cuộc thi, sân khấu hóa, tờ gấp tại chỗ và thực hiện trợ giúp pháp lý cho đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý miễn phí sau buổi tuyên truyền.

- Đối với các vùng sâu, vùng xa mời các cá nhân có uy tín, có sức ảnh hưởng đến bà con (già làng, trưởng bản…) cùng tham gia buổi tuyên truyền.

- Công tác tuyên truyền, PBGDPL cần được triển khai đồng bộ với các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội, ổn định đời sống vật chất.

# V. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012 (Luật số 14/2012);

- Trang web tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp: https://pbgdpl.moj.gov.vn

1. “Từ điển tiếng Việt” do Nhà xuất bản Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học ấn hành năm 1997, Hoàng Phê chủ biên, trang 157 [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ điển Luật học, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp 2006. [↑](#footnote-ref-2)
3. Điều 2 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 2, Điều 5, Luật Bình đẳng giới (2006) [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 1, Điều 5, Luật Bình đẳng giới (2006) [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản 3, Điều 5, Luật Bình đẳng giới (2006) [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản 4 Điều 5 Luật Bình đẳng giới (2006). [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 5 Điều 5 Luật Bình đẳng giới (năm 2006). [↑](#footnote-ref-8)
9. Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam, 2005, Điều 1, Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi
hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - Tài liệu dịch của. https://phapluatdansu.edu.vn/2007/09/11/00/46/y4567/ [↑](#footnote-ref-9)
10. Dẫn theo Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, 2022. Tài liệu tập huấn phát triển năng lực thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ các cơ quan cấp tỉnh (Tài liệu dành cho giảng viên nguồn cấp Trung ương) [↑](#footnote-ref-10)
11. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. (2009). Tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới (Tài liệu tham khảo dùng cho cán bộ Hội các cấp). NXB Thanh niên [↑](#footnote-ref-11)
12. Bùi Thị Hòa. (2020). *Chiến lược phát triển Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2035.* Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội. [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản 1, điều 4 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP Thông tư của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh. [↑](#footnote-ref-13)
14. Khoản 2, điều 4 Thông tư số 05/2021/TT-TTCP Thông tư của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, đơn phản ánh. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điều 9 Luật Tiếp công dân:

“Người trong tình trạng say do dùng chất kích thích, người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

 Người có hành vi đe dọa, xúc phạm cơ quan, tổ chức, đơn vị, người tiếp công dân, người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác vi phạm nội quy nơi tiếp công dân;

 Người khiếu nại, tố cáo về vụ việc đã giải quyết đúng chính sách, pháp luật, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, rà soát, thông báo bằng văn bản và đã được tiếp, giải thích, hướng dẫn nhưng vẫn cố tình khiếu nại, tố cáo kéo dài” [↑](#footnote-ref-15)
16. Nguồn tham khảo từ Cục trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-16)
17. Thực hiện theo Quyết định số 2605/QĐ-ĐCT ngày 31/8/2023 của TTĐCT về việc ban hành Quy định Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp tham gia giải quyết các vụ việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em. [↑](#footnote-ref-17)
18. Tư vấn pháp luật; Tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, trẻ em theo quy định của pháp luật; Yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc đối với vụ án dân sự giữa nạn nhân và người có hành vi bạo lực gia đình; Khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em với tư cách là nguyên đơn trong vụ án dân sự. [↑](#footnote-ref-18)
19. Nguồn tham khảo từ Cổng TTĐT Cục tuyên truyền phổ biến giáo pháp luật, Bộ Tư pháp [↑](#footnote-ref-19)